QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

EASTSPRING INVESTMENTS VIETNAM NAVIGATOR FUND - ENF



eastspring investments

ĐIỀU LỆ QUỸ

Thành viên của Tập đoàn Prudential (Anh Quốc)

- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ Quỹ đầu tư ra công chúng số 70/GCN-UBCK cấp ngày 4 tháng 12 năm 2013
- Ngày đăng ký Bản Cáo bạch: ngày 4 tháng 12 năm 2013

NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CHÚ Ý NHỮNG KHUYẾN NGHỊ QUAN TRỌNG DƯỚI ĐÂY:

A) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ EASTSPRING INVESTMENTS ("CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ") LÀ ĐƠN VỊ SOẠN THẢO BẢN ĐIỀU LỆ QUỸ NÀY.

B) NHÀ ĐẦU TƯ CẦN ĐỌC KỸ BẢN ĐIỀU LỆ QUỸ NÀY VÀ BẢN CÁO BẠCH TRƯỚC KHI CÂN NHẮC VIỆC MUA CHỨNG CHỈ QUỸ. BẢN ĐIỀU LỆ QUỸ NÀY ĐƯỢC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ XÂY DỰNG CHUNG CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG KHÁC NHAU, KHÔNG DỰA TRÊN MỤC ĐÍCH ĐẦU TƯ, NĂNG LỰC TÀI CHÍNH HAY NHU CẦU ĐẦU TƯ CỦA BẤT KỲ KHÁCH HÀNG, NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ CỤ THỂ NÀO. VÌ VẬY, TRƯỚC KHI ĐẦU TƯ VÀO QUỸ NÀY, NHÀ ĐẦU TƯ NÊN CÂN NHẮC THẬT KỸ, BẢO ĐẢM VIỆC ĐẦU TƯ VÀO QUỸ THỰC SỰ PHÙ HỢP VỚI MÌNH.

C) KHÔNG ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG BẢN ĐIỀU LỆ QUỸ NÀY VÀ BẢN CÁO BẠCH CỦA QUỸ ĐỂ MỜI CHÀO HAY ĐỀ NGHỊ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ NGOÀI LÃNH THỔ VIỆT NAM, TRỪ KHI CÓ SỰ ĐỒNG Ý BẰNG VĂN BẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.

D) KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀO QUỸ SẼ PHỤ THUỘC VÀO NHỮNG RỦI RO ĐẦU TƯ: KHẢ NĂNG VIỆC THANH TOÁN BỊ TRÌ HOÃN, KHẢ NĂNG BỊ MẤT THU NHẬP VÀ MẤT SỐ VỐN ĐẦU TƯ. KHÔNG AI KỂ CẢ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ CÓ THỂ ĐẢM BẢO VIỆC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ SẼ THÀNH CÔNG HOẶC CAM KẾT NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ SẼ ĐƯỢC HOÀN TRẢ ĐẦY ĐỦ, VIỆC ĐẦU TƯ SẼ CÓ LỢI NHUẬN.

E) THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ TRONG QUÁ KHỨ (NẾU CÓ) KHÔNG CÓ NGHĨA HAY HÀM Ý BẢO ĐẢM KẾT QUẢ ĐẦU TƯ TƯƠNG TỰ TRONG TƯƠNG LAI CỦA QUỸ VÀ KHÔNG ĐẢM BẢO LỢI NHUẬN HAY VIỆC BẢO TOÀN VỐN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.

F) CHỨNG CHỈ QUỸ LÀ LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC VỀ BẢN CHẤT VÀ PHƯƠNG DIỆN RỦI RO SO VỚI CÁC CÔNG CỤ ĐẦU TƯ DO CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHÁT HÀNH NHƯ CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI, CÔNG CỤ CHUYỂN NHƯỢNG VÀ CÁC GIẤY TỜ CÓ GIÁ KHÁC CÓ LÃI SUẤT CỐ ĐỊNH HOẶC CÓ BẢO ĐẢM LỢI TỨC. VIỆC ĐẦU TƯ VÀO CHỨNG CHỈ QUỸ SẼ KHÔNG CÓ NGHĨA NHÀ ĐẦU TƯ ĐƯỢC CAM KẾT HOÀN LẠI BẤT KỲ MỘT KHOẢN THANH TOÁN, LỢI NHUẬN HOẶC KHOẢN VỐN CỐ ĐỊNH NÀO.

G) NHÀ ĐẦU TƯ NÊN THAM KHẢO Ý KIẾN CHUYÊN GIA TÀI CHÍNH TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ VÀO QUỸ.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG 9
ĐIỀU 1. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ 9
ĐIỀU 2. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ 9
ĐIỀU 3. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC CỦA QUỸ 9
ĐIỀU 4. TỔNG VỐN HUY ĐỘNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐƯỢC CHÀO BÁN 10
ĐIỀU 5. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN HUY ĐỘNG VỐN VÀ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ 10
ĐIỀU 6. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 10
ĐIỀU 7. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 10
ĐIỀU 8. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ QUỸ 11

CHƯƠNG II CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ 12
ĐIỀU 9. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ 12
ĐIỀU 10. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ 12
ĐIỀU 11. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ 13
ĐIỀU 12. HOẠT ĐỘNG VAY, CHO VAY, GIAO DỊCH KÝ QUỸ 14
ĐIỀU 13. PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN ĐẦU TƯ 14

CHƯƠNG III NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 15
ĐIỀU 14. NHÀ ĐẦU TƯ VÀ TÀI KHOẢN NHÀ ĐẦU TƯ 15
ĐIỀU 15. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 16
ĐIỀU 16. SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ 17
ĐIỀU 17. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 17
ĐIỀU 18. MUA LẠI MỘT PHẦN, MUA TOÀN BỘ VÀ TẠM DỪNG GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 18
ĐIỀU 19. GIÁ PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU, GIÁ PHÁT HÀNH, GIÁ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ VÀ CÁC LOẠI PHÍ 19
ĐIỀU 20. CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỞ HỮU CHỨNG CHỈ QUỸ KHÔNG MANG TÍNH THƯƠNG MẠI 20

CHƯƠNG IV ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 21
ĐIỀU 21. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 21
ĐIỀU 22. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 21
ĐIỀU 23. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 22
ĐIỀU 24. QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 22
ĐIỀU 25. PHẢN ĐỐI QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 23

CHƯƠNG V BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 24
ĐIỀU 26. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 24
ĐIỀU 27. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN VÀ BẦU THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 24
ĐIỀU 28. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 24
ĐIỀU 29. CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 25
ĐIỀU 30. THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 25
ĐIỀU 31. VIỆC ĐÌNH CHỈ, BÃI NHIỆM VÀ TỪ CHỨC CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 25
ĐIỀU 32. CUỘC HỌP BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 26

CHƯƠNG VI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 27
ĐIỀU 33. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 27
ĐIỀU 34. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 27
ĐIỀU 35. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 28
ĐIỀU 36. HẠN CHẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 28

CHƯƠNG VII NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 29
ĐIỀU 37. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 29
ĐIỀU 38. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 29
ĐIỀU 39. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 30
ĐIỀU 40. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI QUỸ 32

CHƯƠNG VIII CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ QUỸ 33
ĐIỀU 41. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ỦY QUYỀN (CÁC DỊCH VỤ ĐƯỢC THUÊ NGOÀI) 33
ĐIỀU 42. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ QUỸ 33
ĐIỀU 43. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ QUỸ 33
ĐIỀU 44. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÃ ỦY QUYỀN 34
ĐIỀU 45. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN 35

CHƯƠNG IX ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI 36
ĐIỀU 46. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI 36
ĐIỀU 47. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐẠI LÝ KÝ DANH 36
ĐIỀU 48. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐẠI LÝ KÝ DANH 37

CHƯƠNG X KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO 40
ĐIỀU 49. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN VÀ THAY ĐỔI CÔNG TY KIỂM TOÁN 40
ĐIỀU 50. NĂM TÀI CHÍNH 40
ĐIỀU 51. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 40
ĐIỀU 52. BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC BÁO CÁO KHÁC 40

CHƯƠNG XI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ 41
ĐIỀU 53. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ 41
ĐIỀU 54. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ 41
ĐIỀU 55. QUY TRÌNH ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN CỦA QUỸ 42
ĐIỀU 56. ĐỀN BÙ THIỆT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ, QUỸ 42
ĐIỀU 57. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ LỰA CHỌN, THAY ĐỔI TỔ CHỨC CUNG CẤP BÁO GIÁ 43

CHƯƠNG XII LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ 44
ĐIỀU 58. LỢI NHUẬN CỦA QUỸ 44
ĐIỀU 59. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ 44

CHƯƠNG XIII TÁI CƠ CẤU QUỸ 46
ĐIỀU 60. CÁC ĐIỀU KIỆN HỢP NHẤT, SÁP NHẬP 46
ĐIỀU 61. CÁC ĐIỀU KIỆN TÁCH QUỸ 46
ĐIỀU 62. CÁC ĐIỀU KIỆN GIẢI THỂ QUỸ 46

CHƯƠNG XIV GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH 47
ĐIỀU 63. KIỂM SOÁT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH GIỮA QUỸ VÀ CÁC QUỸ KHÁC, CÁC KHÁCH HÀNG ĐẦU TƯ ỦY THÁC CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ GIỮA QUỸ VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 47

CHƯƠNG XV CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ 48
ĐIỀU 64. CÔNG BỐ THÔNG TIN, CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ 48
ĐIỀU 65. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ 48
ĐIỀU 66. ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ QUỸ 49
ĐIỀU 67. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 49

PHỤ LỤC 1.1 CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 50
PHỤ LỤC 1.2 CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 52
PHỤ LỤC 1.3 CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 53
PHỤ LỤC 1.4 QUY TRÌNH GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 54
A - QUY TRÌNH MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 54
B - QUY TRÌNH GIAO DỊCH MUA BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU 55
C - QUY TRÌNH GIAO DỊCH MUA BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ TIẾP THEO 56
D - QUY TRÌNH CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA CÁC QUỸ 58
E - QUY TRÌNH THAY ĐỔI THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ 59
F - QUY TRÌNH CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU NHÀ ĐẦU TƯ 59
PHỤ LỤC 1.5 PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN CỦA QUỸ 60
A - CƠ SỞ PHÁP LÝ 60
B - MỤC TIÊU 60
C - HIỆU LỰC 60
D - PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ 60
E - ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH GIÁ TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT HOẶC KHI THANH LÝ TÀI SẢN 63
F - QUY TẮC KIỂM SOÁT GIÁ 63
G - NGUYÊN TẮC ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ 64
PHỤ LỤC 1.6 CÁC MỨC PHÍ 65



ĐIỀU LỆ QUỸ
QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2006 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành;
- Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 01 tháng 7 năm 2011 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 do Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán sửa đổi;
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ;
- Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở.

II. ĐỊNH NGHĨA

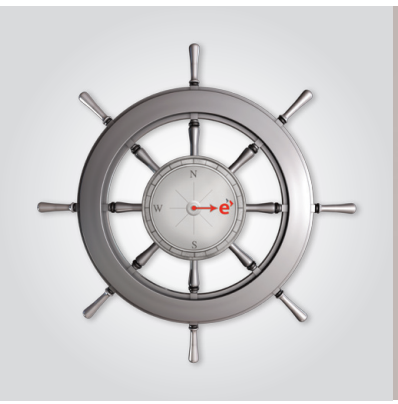
"Bản Cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành Chứng chỉ Quỹ.
"Ban định giá nội bộ"	Bao gồm những lãnh đạo cấp cao của Công ty Quản lý Quỹ được bầu ra để thực hiện giám sát việc định giá các loại tài sản và chính sách định giá.
"Ban Đại diện Quỹ"	Là những người đại diện cho Nhà Đầu tư được Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra để thay mặt nhà Đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, của Công ty Quản lý Quỹ và của Ngân hàng Giám sát.
"Chứng chỉ Quỹ"	Là chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu tư đó đang sở hữu.
"Cổ tức Quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà Đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu tư.
"Công ty Kiểm toán"	Là công ty kiểm toán cho Quỹ được Đại hội Nhà Đầu tư chỉ định, là một công ty kiểm toán độc lập được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ kiểm toán cho các quỹ đầu tư ở Việt Nam.
"Công ty Quản lý Quỹ"	Là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments, được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động và Giấy phép Điều chỉnh: Giấy phép Hoạt động Quản lý Quỹ số 03/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 26/05/2005; Quyết định bổ sung Giấy phép Quản lý Quỹ số 459/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13/08/2007 Giấy phép Điều chỉnh số 17/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 23/07/2008; Giấp phép Điều chỉnh số 27/UBCK-GPĐC do UBCKNN cấp ngày 20/11/2008; Giấy phép Điều chỉnh số 67/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 15/04/2010; Giấy phép Điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 09/12/2011; Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 51/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/3/2012; Giấy phép Điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/3/2013; và Giấy phép Điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 12/09/2013. Công ty Quản lý Quỹ là công ty quản lý Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam và có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Quỹ và theo quy định khác của pháp luật.

"Danh mục Đầu tư Lớn"	Là các Danh mục Đầu tư vào các loại giấy tờ có giá và chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức (bao gồm công cụ thị trường tiền tệ, công cụ chuyển nhượng, chứng khoán được quy định theo các quy định pháp luật liên quan của Việt Nam về quỹ mở) có tổng giá trị chiếm từ năm (5) phần trăm trở lên trên Tổng Giá trị Tài sản của Quỹ.
"Đại hội Nhà Đầu tư"	Là đại hội của Nhà Đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
"Đại lý Chuyển nhượng"	Là tổ chức cung cấp dịch vụ bên ngoài cho Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu tư, quản lý tài khoản Nhà Đầu tư, ghi nhận lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch và hợp đồng dịch vụ ký kết với Công ty Quản lý Quỹ.
"Đại lý Ký danh"	Là Đại lý Phân phối đứng tên chủ sở hữu tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà Đầu tư tại sổ phụ.
"Đại lý Phân phối"	Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm đã đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở và được Công ty Quản lý Quỹ chỉ định nhằm cung cấp dịch vụ tiếp thị, quảng bá và phân phối Chứng chỉ Quỹ.
"Điều lệ Quỹ"	Là tài liệu này, các phụ lục đính kèm vào tài liệu này và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có)
"Đơn vị Quỹ"	Là Vốn Điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá của một Đơn vị Quỹ của đợt IPO là 10.000 đồng. Mỗi Đơn vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
"Giá Mua lại"	Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ lại từ Nhà Đầu tư. Giá Mua lại bằng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ trừ đi Phí Mua lại (nếu có) được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch.
"Giá Phát hành"	Là mức giá Nhà Đầu tư phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ. Giá Phát hành lần đầu là 10.000 đồng cộng thêm Phí Phát hành. Giá Phát hành các lần tiếp theo bằng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ cộng thêm Phí Phát hành được quy định tại Bản Cáo bạch.
"Giá trị Tài sản ròng của Quỹ"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày Định giá.
"Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ"	Là Giấy Chứng nhận được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành cho phép thành lập Quỹ và có thể được điều chỉnh theo từng thời điểm.
"HNX"	Là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
"HOSE"	Là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
"Hợp đồng Dịch vụ"	Là bản hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ quỹ để thuê ngoài một số nhiệm vụ nhất định liên quan đến hoạt động quản lý và hoạt động đại lý chuyển nhượng của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ.

"Hợp đồng Giám sát"	Là Hợp đồng Cung cấp Dịch vụ Lưu ký và Giám sát được ký kết bởi Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát đính kèm tại Phụ lục 5 của Bản Cáo bạch và được Nhà Đầu tư phê chuẩn bằng văn bản khi mua Chứng chỉ Quỹ trong giai đoạn IPO.
"IPO"	Là việc chào bán Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng theo các điều kiện được nêu tại Bản Cáo bạch.
"Luật Chứng khoán"	Là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và Luật sửa đổi bổ sung Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12.
"Năm Tài chính"	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 1 tháng 1 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm Tài chính đầu tiên của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
"Nhà Đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ một hay nhiều Chứng chỉ Quỹ.
"Ngân hàng Giám sát"	Là Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), một ngân hàng được thành lập theo Giấy phép thành lập số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 18/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 18 tháng 03 năm 2008 và Công văn số 2369/UBCK-QLKD về việc chấp thuận chuyển đổi Giấy chứng nhận hoạt động lưu ký cho Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) do UBCKNN cấp ngày 17 tháng 12 năm 2008, cung cấp các dịch vụ (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng Giám sát.
"Ngày Định giá"	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ theo quy định của Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ này.
"Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ"	Là Ngày Định giá mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ.
"Người có liên quan"	Là những tổ chức hoặc cá nhân có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến một pháp nhân được quy định tại khoản 17 điều 4 của Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 20 tháng 11 năm 2005 và khoản 14 điều 6 của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006.
"Phí Phát hành/Phí Mua lại"	Là phí mà Nhà Đầu tư phải trả khi mua/bán một Đơn vị Quỹ, được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch theo quy định tại Bản Cáo bạch.
"Phí Quản lý Quỹ"	Là phí phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý Quỹ được quy định trong Bản Cáo bạch.
"Quỹ"	Là Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam, một quỹ mở thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ này.

"Sở Giao dịch Chứng khoán"	Là các Sở Giao dịch Chứng khoán trên lãnh thổ Việt Nam nơi chứng khoán được chính thức niêm yết và mua bán. Cho đến thời điểm ban hành Bản Cáo bạch lần đầu, các Sở Giao dịch Chứng khoán được đề cập là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).
"Sự kiện Bất khả kháng"	Là bất kỳ sự kiện nào mà Công ty Quản lý Quỹ không thể dự đoán trước và/ hoặc nằm ngoài sự kiểm soát của Công ty Quản lý Quỹ bao gồm, nhưng không giới hạn; bất kỳ sự thay đổi các quy định về pháp luật; việc hư hỏng hệ thống công nghệ thông tin do tác nhân bên ngoài; chiến tranh hoặc thiên tai; biểu tình hoặc khủng bố; việc đình trệ bưu chính hoặc các sự kiện, hành động tương tự.
"Tài sản Mục tiêu"	Là các cổ phiếu trong nước niêm yết trên HOSE và HNX, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh thanh toán, tín phiếu kho bạc, trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu chuyển đổi tại Việt Nam, và thị trường tiền tệ và tiền gửi tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam.
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý Phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu tư để thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ, cụ thể được quy định tại Điều lệ Quỹ này, công bố công khai tại Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt và không được muộn quá 10h30 tại ngày gần nhất trước Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
"Tổng Giá trị Tài sản của Quỹ"	Là tổng giá trị tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu tại ngày trước Ngày Định giá.
"UBCKNN"	Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
"VNĐ"	Là đồng Việt Nam.
"Vốn Điều lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền được tất cả các Nhà Đầu tư thực góp tại đợt IPO Chứng chỉ Quỹ và được ghi trong Điều lệ Quỹ này.

III. NỘI DUNG ĐIỀU LỆ QUỸ



CHƯƠNG I
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Tên tiếng Việt: Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Tên tiếng Anh: Eastspring Investments Vietnam Navigator Fund

Tên viết tắt: ENF

Địa chỉ liên hệ:

- Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Eastspring Investments.
- Trụ sở chính: Tầng 23, Tòa nhà Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84)8-3910 2848 Fax:(84) 8-3910 2145

ĐIỀU 2. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Quỹ chính thức bắt đầu hoạt động ngay sau khi được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ. Thời hạn hoạt động của Quỹ kết thúc ngay sau khi Quỹ bị đóng cửa giải thể, phá sản theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

ĐIỀU 3. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC CỦA QUỸ

1. Trách nhiệm của Nhà Đầu tư được hạn chế trong phạm vi Giá Phát hành mà Nhà Đầu tư đã trả cho những Chứng chỉ Quỹ mà Nhà Đầu tư sở hữu.
2. Quỹ được quản lý bởi Công ty Quản lý Quỹ dưới sự giám sát của Đại hội Nhà Đầu tư, Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát theo các quy định của Điều lệ Quỹ này, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan.
3. Công ty Quản lý Quỹ được chỉ định và điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ trong các giao dịch của Quỹ với bất kỳ một bên nào khác bao gồm Nhà Đầu tư, các cơ quan quản lý Nhà nước và các đơn vị cung ứng dịch vụ của Quỹ.
4. Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan quản lý cao nhất của Quỹ, có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Chương IV của Điều lệ Quỹ này.
5. Ban Đại diện Quỹ là cơ quan đại diện cho lợi ích của Nhà Đầu tư có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Chương V của Điều lệ Quỹ này.

ĐIỀU 4. TỔNG VỐN HUY ĐỘNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐƯỢC CHÀO BÁN

1. Vốn Điều lệ tối thiểu được huy động trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng (IPO) là 50 tỷ VNĐ, được chia thành 5 triệu Đơn vị Quỹ với mệnh giá của mỗi Đơn vị Quỹ là 10.000 VNĐ.
2. Ngay sau khi mua các Đơn vị Quỹ, Nhà Đầu tư sẽ góp vốn bằng tiền VNĐ dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ được mở tại Ngân hàng Giám sát.
3. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng Đơn vị Quỹ tối đa phải do Đại hội Nhà Đầu tư quyết định và phải thông báo cho UBCKNN.

ĐIỀU 5. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN HUY ĐỘNG VỐN VÀ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ

Đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ.

ĐIỀU 6. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

- Tên Công ty Quản lý Quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Eastspring Investments.
- Giấy phép thành lập và hoạt động:
  - Giấy phép Hoạt động Quản lý Quỹ số 03/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 26/05/2005;
  - Quyết định bổ sung Giấy phép Quản lý Quỹ số 459/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13/08/2007;
  - Giấy phép Điều chỉnh số 17/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 23/07/2008;
  - Giấp phép Điều chỉnh số 27/UBCK-GPĐC do UBCKNN cấp ngày 20/11/2008;
  - Giấy phép Điều chỉnh số 67/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 15/04/2010;
  - Giấy phép Điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 09/12/2011;
  - Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 51/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/3/2012;
  - Giấy phép Điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/3/2013; và
  - Giấy phép Điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 12/09/2013.
- Trụ sở chính: Tầng 23, Tòa nhà Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84) 8-3910 2848 Fax: (84) 8-3910 2145

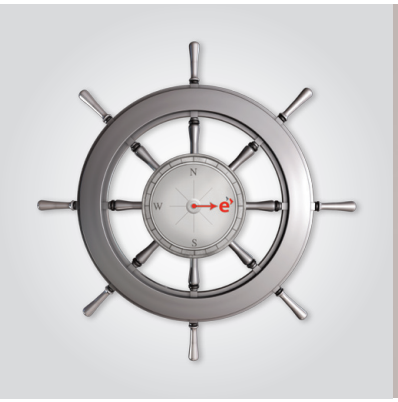
ĐIỀU 7. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- Tên Ngân hàng Giám sát: Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam).
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8/9/2008.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 18/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 03 năm 2008 và Công văn số 2369/UBCK-QLKD về việc chấp thuận chuyển đổi Giấy chứng nhận hoạt động lưu ký cho Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 12 năm 2008.
- Trụ sở chính: Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: (84) 8-3829 2288 Fax: (84) 8-6256 3635

ĐIỀU 8. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ QUỸ

1. Đại lý Chuyển nhượng:
   - Tên Đại lý Chuyển nhượng: Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam).
   - Giấy phép thành lập và hoạt động số: 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8/9/2008.
   - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 18/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 03 năm 2008 và Công văn số 2369/UBCK-QLKD về việc chấp thuận chuyển đổi Giấy chứng nhận hoạt động lưu ký cho Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 12 năm 2008.
   - Trụ sở chính: Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
   - Điện thoại: (84) 8-3829 2288 Fax: (84) 8-6256 3635
2. Các Tổ chức cung cấp dịch vụ quỹ khác, nếu có, được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch.





CHƯƠNG II
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

ĐIỀU 9. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu của Quỹ sẽ hướng đến việc gia tăng ổn định về vốn thông qua chiến lược đầu tư đa dạng hóa các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ. Với phương pháp phân bổ tài sản linh hoạt này, Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội gia tăng lợi nhuận khi thị trường tăng trưởng, đồng thời hạn chế rủi ro thất thoát vốn khi thị trường có những dấu hiệu không khả quan.

ĐIỀU 10. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

1. Chiến lược đầu tư

   Chiến lược đầu tư của Quỹ là "phân bổ tài sản hợp lý" và "chọn lựa Tài sản Mục tiêu". Quỹ sẽ áp dụng chiến lược phân bổ và cơ cấu tài sản một cách năng động để ứng phó với tình hình kinh tế vĩ mô và diễn biến của thị trường nhằm bảo toàn vốn và tận dụng tăng trưởng giá trị quỹ khi có cơ hội. Cụ thể, việc phân bổ tài sản của Quỹ chủ yếu được thực hiện như sau:

   - Cổ phiếu từ 0 – 80%: Các cổ phiếu trong nước niêm yết trên HOSE và HNX.
   - Trái phiếu từ 0 – 80%: Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh thanh toán, tín phiếu kho bạc, trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu chuyển đổi tại Việt Nam.
   - Tiền từ 0 – 49%: Đầu tư vào thị trường tiền tệ và tiền gửi tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

2. Lĩnh vực ngành nghề dự định đầu tư:

   Quỹ dự định sẽ đầu tư vào nhiều ngành nghề khác nhau của nền kinh tế quốc dân tùy thuộc vào chiến lược đầu tư của Quỹ và theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư:

   a. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định pháp luật;

   b. Công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về ngân hàng;

   c. Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật Việt Nam;

   d. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

   e. Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; và

   f. Các tài sản khác được quy định pháp luật cho phép theo từng thời điểm.

4. Trường hợp Quỹ đầu tư vào tài sản theo quy định tại Điểm e Khoản 3, Điều này phải được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện. Đồng thời phải có cam kết của các tổ chức phát hành hoặc tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch.

ĐIỀU 11. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

1. Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau đây:
   a. Quỹ không được đầu tư quá 49% Tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm a, b Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ Quỹ này;
   b. Quỹ không được đầu tư quá 30% Tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại các Điểm a, b, d và e Khoản 3, Điều 10 của Điều lệ Quỹ này được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
   c. Quỹ không được đầu tư quá 20% Tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành. Chứng khoán quy định tại điểm này bao gồm cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết;
   d. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
   e. Quỹ không được đầu tư quá 10% Tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điểm e Khoản 3, Điều 10 của Điều lệ Quỹ này.
   f. Tổng giá trị các Danh mục Đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% Tổng Giá trị Tài sản của Quỹ;
   g. Tại mọi thời điểm, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị Tài sản ròng của Quỹ;
   h. Quỹ không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam; và
   i. Quỹ không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.
2. Ngoài các hạn chế đầu tư nêu tại Khoản 1 Điều này, trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc đợt huy động vốn bằng IPO, Quỹ đầu tư ít nhất 80% Giá trị Tài sản ròng của Quỹ vào Tài sản Mục tiêu.
3. Trừ trường hợp quy định tại Điểm g, h và i Khoản 1 Điều này, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng không quá 15% so với các hạn chế đầu tư do các nguyên nhân sau:
   a. Do biến động giá trên thị trường trong danh mục đầu tư của Quỹ;
   b. Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
   c. Do thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư;
   d. Do hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thâu tóm của các tổ chức phát hành;
   e. Do Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng tính từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ; hoặc
   f. Quỹ đang trong thời gian giải thể.
4. Trừ các trường hợp được quy định tại Khoản 3 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày phát sinh sai lệch.

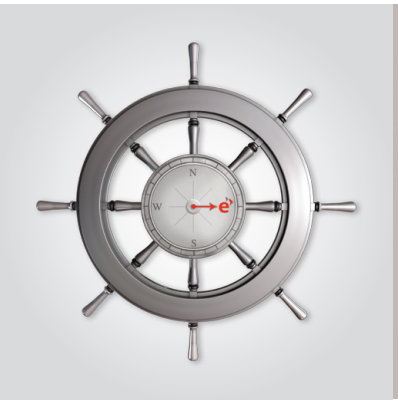
5. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ này, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát sinh sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
6. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại Điểm a, b Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ Quỹ này phát hành tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban Đại diện quỹ phê duyệt bằng văn bản.

ĐIỀU 12. HOẠT ĐỘNG VAY, CHO VAY, GIAO DỊCH KÝ QUỸ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 10 Điều lệ Quỹ này.
2. Công ty Quản lý Quỹ không được phép vay để tài trợ cho hoạt động của Quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được 05% Giá trị Tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

ĐIỀU 13. PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN ĐẦU TƯ

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ: Công ty Quản lý Quỹ hướng đến lựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ của các tổ chức tín dụng có khả năng mang lại lãi suất tốt, đồng thời xem xét đến thứ hạng tín dụng và định mức tín dụng phù hợp cho từng tổ chức tín dụng.
2. Phương pháp đầu tư đối với trái phiếu, công cụ nợ: Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn trái phiếu, các công cụ nợ để đầu tư trên cơ sở xem xét đến việc kết hợp chỉ số đánh giá tín dụng nội bộ, sự hấp dẫn lợi tức và tính thanh khoản của trái phiếu, công cụ nợ đó.
3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu: Công ty Quản lý Quỹ kết hợp cả hai phương pháp phân tích ngành và phân tích công ty mục tiêu ("top-down" và "bottom-up") để lựa chọn cổ phiếu đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ cũng xem xét bối cảnh nền kinh tế, ảnh hưởng của kinh tế vĩ mô đối với hoạt động đầu tư giá trị. Những thay đổi của kinh tế vĩ mô và chính sách của Chính phủ vào từng thời điểm sẽ tác động trực tiếp đến quy trình phân bổ tài sản của Quỹ. Chất lượng và số lượng cổ phiếu đầu tư là những yếu tố cơ bản khi lựa chọn và phân bổ nguồn vốn đầu tư.
4. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ đầu tư khác: Công ty Quản lý Quỹ áp dụng các phương pháp phù hợp đối với từng trường hợp cụ thể nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Quỹ.



CHƯƠNG III
NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

ĐIỀU 14. NHÀ ĐẦU TƯ VÀ TÀI KHOẢN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà Đầu tư gồm tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà Đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà Đầu tư là tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản cho Công ty Quản lý Quỹ và các bên có liên quan, và do người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu tư pháp nhân ký.
3. Đối với Nhà Đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, hoặc Đại lý Phân phối phải tổng hợp thông tin nhận biết Nhà Đầu tư, người được hưởng lợi (nếu có) và mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư trên cơ sở giấy đề nghị đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo mẫu. Nhà Đầu tư có quyền lựa chọn các loại tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau:
   a. Tài khoản của chính mình, đứng tên chủ sở hữu là Nhà Đầu tư (gọi tắt là tài khoản của Nhà Đầu tư); hoặc
   b. Tiểu khoản giao dịch trên tài khoản đứng tên của Đại lý Ký danh (gọi tắt là tiểu khoản của Nhà Đầu tư).
4. Trước khi ký hợp đồng cung cấp dịch vụ và mở tài khoản, tiểu khoản giao dịch cho Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện hoặc yêu cầu tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý Ký danh, Đại lý Phân phối tổng hợp và thẩm định thông tin nhận biết Nhà Đầu tư theo quy trình đã thống nhất với Công ty Quản lý Quỹ. Trường hợp yêu cầu thông tin về Nhà Đầu tư không được đáp ứng, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý Phân phối có quyền từ chối không mở tài khoản, tiểu khoản cho Nhà Đầu tư.
5. Tài khoản, tiểu khoản của Nhà Đầu tư bao gồm các nội dung sau đây:
   a. Số tài khoản giao dịch/số tiểu khoản giao dịch;
   b. Số lượng đơn vị quỹ;
   c. Số lượng đơn vị quỹ tăng/giảm, lý do việc tăng/giảm; và
   d. Các thông tin cá nhân khác của Nhà Đầu tư theo quy định của pháp luật.
6. Việc quản lý tài khoản của Nhà Đầu tư, tài khoản ký danh phải bảo đảm nguyên tắc sau:
   a. Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải mở, quản lý tài khoản độc lập, tách biệt tới từng Đại lý Ký danh và từng Nhà Đầu tư. Đại lý Phân phối có trách nhiệm cập nhật thông tin về các hoạt động mở, đóng tài khoản của Nhà Đầu tư cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;

b. Đại lý Ký danh phải mở, quản lý tiểu tài khoản giao dịch độc lập, tách biệt tới từng Nhà Đầu tư, và có trách nhiệm cập nhật thông tin mở, đóng các tiểu khoản cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan. Tổng số dư trên các tiểu khoản phải luôn khớp với số dư trên tài khoản ký danh, số dư trên từng tiểu khoản phải khớp với số liệu sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư đó tại sổ chính; và

c. Đại lý Ký danh phải cung cấp thông tin về tiểu khoản của từng Nhà Đầu tư cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan; thường xuyên đối chiếu, soát xét bảo đảm số dư trên tiểu khoản phù hợp với số liệu, thực trạng sở hữu của Nhà Đầu tư đó tại sổ chính. Quy định này không áp dụng đối với Đại lý Ký danh ở nước ngoài.

7. Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý Ký danh có trách nhiệm cung cấp sao kê tài khoản, tiểu khoản trong thời hạn hai (02) ngày kể từ ngày có yêu cầu bằng văn bản của Nhà Đầu tư.
8. Trước khi mở tài khoản, tiểu khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Nhà Đầu tư nước ngoài phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật hiện hành về hoạt động của Nhà Đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán. Quy định này không áp dụng đối với Nhà Đầu tư ở ngoài lãnh thổ Việt Nam và thực hiện giao dịch thông qua tài khoản ký danh của Đại lý Ký danh ở nước ngoài.
9. Trước khi mở tài khoản ký danh, Đại lý Ký danh ở nước ngoài phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật hiện hành về hoạt động của Nhà Đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán.
10. Đại lý Chuyển nhượng, Đại lý Ký danh phải cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác mã số giao dịch chứng khoán và trạng thái sở hữu của Nhà Đầu tư nước ngoài và cung cấp kịp thời và đầy đủ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu bằng văn bản. Quy định này không áp dụng cho Đại lý Ký danh ở nước ngoài mở tài khoản ký danh quy định tại Khoản 9 Điều này nêu trên.

ĐIỀU 15. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà Đầu tư có quyền:
   a. Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Đơn vị Quỹ nắm giữ;
   b. Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản của Quỹ;
   c. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ;
   d. Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội Nhà Đầu tư; và
   e. Các quyền khác theo quy định pháp luật và theo Điều lệ Quỹ này.
2. Nhà Đầu tư có nghĩa vụ:
   a. Chấp hành các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;
   b. Thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;
   c. Thanh toán đầy đủ Phí Phát hành/Phí Mua lại khi mua và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ và Phí Chuyển đổi hay Phí Chuyển nhượng khi chuyển đổi hoặc chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ; và
   d. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và theo Điều lệ Quỹ này.

ĐIỀU 16. SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ

1. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho Đại lý Chuyển nhượng lập sổ đăng ký Nhà Đầu tư chính ("Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư Chính"). Trong trường hợp Nhà Đầu tư đầu tư thông qua việc thỏa thuận chỉ định với Đại lý Phân phối, Đại lý Phân phối có liên quan đó sẽ thiết lập và lưu giữ một hoặc nhiều Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư phụ ("Sổ Phụ"). Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho Đại lý Phân phối có liên quan hợp nhất thông tin trong Sổ Phụ vào Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư Chính và chứng thực quyền sở hữu của Nhà Đầu tư đối với Chứng chỉ Quỹ trên Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư Chính.
2. Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư Chính và Sổ Phụ phải có các thông tin sau:
   a. Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà Đầu tư; số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);

      Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy giấy phép thành lập và hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
   b. Số tài khoản; hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà Đầu tư nước ngoài);
   c. Số lượng Đơn vị Quỹ sở hữu; ngày đăng ký sở hữu (ngày vào Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư Chính hoặc Sổ phụ).
3. Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu tư, kể cả Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu tư trên Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư Chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà Đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu tư được cập nhật tại Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư Chính hoặc Sổ phụ.

ĐIỀU 17. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Sau thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ có hiệu lực, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức hoặc ủy quyền cho một trong các đơn vị cung cấp dịch vụ của Quỹ tiến hành giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư.
2. Tần suất giao dịch Chứng chỉ Quỹ không ít hơn 02 lần trong một tháng.
3. Quy định chung về giao dịch Chứng chỉ Quỹ
   a. Lệnh giao dịch phải được gửi tới Đại lý Phân phối đã công bố tại Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, hoặc được gửi tới Đại lý Phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan. Công ty Quản lý Quỹ, hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải thiết lập hệ thống tiếp nhận lệnh giao dịch bảo đảm Nhà Đầu tư tại Việt Nam có thể đặt lệnh giao dịch tại mọi Đại lý Phân phối đã được công bố tại Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
   b. Đại lý Phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của Công ty Quản lý Quỹ. Phiếu lệnh phải được Đại lý Phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư qua internet, điện thoại, fax, Đại lý Phân phối phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và chứng khoán, đồng thời phải bảo đảm:
      - Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu tư;

- Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, thì phải xác nhận lại với Nhà Đầu tư trước khi thực hiện, đồng thời yêu cầu Nhà Đầu tư cung cấp phiếu lệnh gốc có chữ ký của Nhà Đầu tư để lưu giữ bằng chứng chứng minh về việc đặt lệnh của Nhà Đầu tư.

c. Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối và tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan chỉ thực hiện các lệnh nhận được trước thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh giao dịch mua, bán hoặc chuyển đổi nhận sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ bị hủy.

d. Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý Ký danh có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu tư tại sổ chính và gửi Nhà Đầu tư bản xác nhận giao dịch.

e. Công ty Quản lý Quỹ tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Đại lý Ký danh phải có sổ lệnh lưu trữ đầy đủ thông tin về các lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu tư theo đúng quy định.

f. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ có từ hai quỹ mở và có quy định tại điều lệ các quỹ và Bản Cáo bạch, Nhà Đầu tư được chuyển đổi quỹ.

4. Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch Chứng chỉ Quỹ mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu tư khác theo quy định.
5. Lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi, đóng sổ lệnh, phương pháp thanh toán được tiến hành theo quy trình được nêu trong Phụ lục 1.4 của Điều lệ Quỹ này.

ĐIỀU 18. MUA LẠI MỘT PHẦN, MUA TOÀN BỘ VÀ TẠM DỪNG GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán hoặc lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:
   a. Tổng giá trị các lệnh bán (bao gồm lệnh bán và lệnh chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (bao gồm lệnh mua và lệnh chuyển đổi) tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn 10% Giá trị Tài sản ròng của Quỹ; hoặc
   b. Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư dẫn đến Giá trị Tài sản ròng của Quỹ xuống dưới 50 tỷ VNĐ.
2. Trong trường hợp mua lại một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư nêu tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ mua lại theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ đối với tất cả Nhà Đầu tư. Lệnh bán, lệnh chuyển đổi được thực hiện theo tỷ lệ giữa tổng giá trị lệnh có thể thực hiện được trong phạm vi được nêu tại Điểm a hoặc Điểm b Khoản 1 và tổng giá trị đăng ký giao dịch.
3. Trong trường hợp mua lại một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư nêu tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này, nếu số Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư còn lại ít hơn số Chứng chỉ Quỹ duy trì tối thiểu được quy định tại Bản Cáo bạch thì Công ty Quản lý Quỹ tự động mua lại toàn bộ số Chứng chỉ Quỹ còn lại đó vào kỳ giao dịch kế tiếp theo mức giá và phương thức giao dịch chung; đồng thời tài khoản của Nhà Đầu tư được đóng sau 1 năm nếu như không có những hoạt động giao dịch tiếp theo nhằm duy trì số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu.
4. Trong trường hợp mua lại một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư nêu tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này, nếu số Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư còn lại nhiều hơn số Chứng chỉ Quỹ duy trì tối thiểu thì lệnh bán của Nhà Đầu tư đối với số Chứng chỉ Quỹ còn lại được tự động hủy bỏ và tài khoản của Nhà Đầu tư vẫn được duy trì theo quy định chung.
5. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày, kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

6. Chứng chỉ Quỹ có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
    a. Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ theo yêu cầu của Nhà Đầu tư do Sự kiện Bất khả kháng.
    b. Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ cho việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Quỹ vào Ngày Định giá trong trường hợp Sở giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ.
    c. Khi tính thanh khoản của Quỹ bị biến động mạnh do phần lớn giá trị tài sản của Quỹ bị sụt giảm, ngưng trệ giao dịch hoặc do thị trường chứng khoán suy giảm, đóng cửa dẫn đến Công ty Quản lý Quỹ khó có thể định giá chính xác Giá trị Tài sản ròng của Quỹ.
    d. Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, Đại lý Chuyển nhượng, Đại lý Phân phối hay những tổ chức có liên quan khác bị rút giấy phép hoạt động, lâm vào tình trạng giải thể, phá sản, hay đang bị kiểm soát đặc biệt theo quy định của luật pháp.
    e. Các trường hợp khác mà Công ty quản lý Quỹ hay UBCKNN xét thấy là cần thiết tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
7. Trong trường hợp Đại lý Phân phối không thể nhận lệnh từ Nhà Đầu tư đối với những giao dịch quy định tại Điều này thì Công ty Quản lý Quỹ phải trực tiếp nhận lệnh này từ Nhà Đầu tư.
8. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ không vượt quá 90 ngày kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.
9. Trong vòng hai mươi bốn (24) tiếng đồng hồ sau khi có quyết định tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo với Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN và thông báo cho Nhà Đầu tư về lý do tạm dừng giao dịch.
10. Trong suốt thời gian tạm dừng giao dịch, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ công bố đầy đủ thông tin cho Nhà Đầu tư về những vấn đề liên quan đến việc tạm dừng giao dịch cũng như thời hạn tạm dừng theo quy định của pháp luật.
11. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định tại khoản 8 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư.

ĐIỀU 19. GIÁ PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU, GIÁ PHÁT HÀNH, GIÁ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ VÀ CÁC LOẠI PHÍ

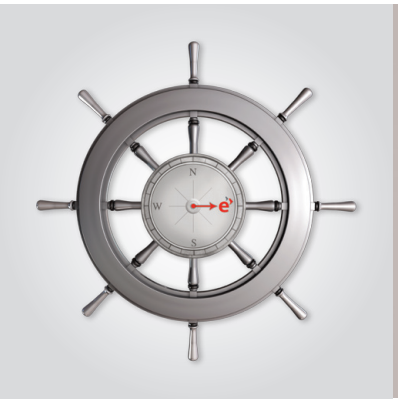
1. Giá Phát hành lần đầu của một Đơn vị Quỹ mở là 10.000 đồng cộng Phí Phát hành và được công bố tại Bản Cáo bạch và Phụ lục 1.6 của Điều lệ này.
2. Giá Phát hành các lần tiếp theo (sau IPO) bằng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ cộng thêm Phí Phát hành.
3. Giá Mua lại của một Đơn vị Quỹ là Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ trừ Phí Mua lại (nếu có) vào Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
4. Phí Phát hành lần đầu, Giá Phát hành các lần tiếp theo, Phí Mua lại, phí chuyển đổi có thể được quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào thời hạn nắm giữ Chứng chỉ Quỹ, mục tiêu đầu tư, hoặc giá trị khoản đầu tư. Các mức phí này được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch và Phụ lục 1.6 của Điều lệ này không vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định.
5. Ngoại trừ các khoản phí do Quỹ phải trả theo quy định tại Điều này và quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch, Nhà Đầu tư không phải trả bất kỳ các khoản phí nào khác cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hay tổ chức được ủy quyền khi giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

6. Việc tăng các mức phí chỉ được thực hiện khi mức phí sau khi tăng không vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định. Thời điểm áp dụng mức phí mới tăng sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Bản Cáo bạch sửa đổi, bổ sung được công bố trên các phương tiện công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ và/hoặc Đại lý Phân phối.

ĐIỀU 20. CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỞ HỮU CHỨNG CHỈ QUỸ KHÔNG MANG TÍNH THƯƠNG MẠI

1. Nhà Đầu tư có quyền chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ không mang tính thương mại dưới hình thức biếu, tặng, cho, thừa kế hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Quỹ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ.
2. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đăng ký người sở hữu hợp pháp kế tiếp là người nắm giữ các Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu tư đó trong Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư Chính sau khi họ đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ và thanh toán phí chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ (nếu có).





CHƯƠNG IV
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

ĐIỀU 21. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà Đầu tư có tên trong Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư Chính trước khi có thông báo triệu tập Đại hội đó đều có quyền tham dự Đại hội đó.
2. Đại hội Nhà Đầu tư hàng năm được tổ chức trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày báo cáo tài chính năm của Quỹ được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán được chấp thuận. Đại hội đó được tổ chức dưới hình thức họp mặt trực tiếp hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.
3. Đại hội Nhà Đầu tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:
   a. Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy Đại hội đó là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
   b. Theo yêu cầu của Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư đại diện cho ít nhất 10% tổng số Đơn vị Quỹ trong vòng sáu (06) tháng liên tục trước ngày có yêu cầu triệu tập Đại hội đó;
4. Đại hội Nhà Đầu tư bất thường theo quy định tại Khoản 3 Điều này phải được triệu tập và tổ chức trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu tổ chức đại hội đó, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của đại hội. Ngoại trừ trường hợp đại hội được triệu tập để lấy ý kiến Nhà Đầu tư về các vấn đề quy định tại Khoản 2 hoặc Khoản 3 Điều 22 của Điều lệ Quỹ này, Đại hội Nhà Đầu tư bất thường có thể được tổ chức theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

ĐIỀU 22. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

1. Phê chuẩn việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát;
2. Phê chuẩn các thay đổi cơ bản trong chính sách và mục tiêu đầu tư hoặc phương án phân chia lợi nhuận của Quỹ; tăng mức phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát;
3. Phê chuẩn việc sáp nhập, hợp nhất hay mua lại Quỹ ;
4. Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, tách Quỹ;
5. Giải thể Quỹ;
6. Bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; phê chuẩn mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
7. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại Điều 85 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan về doanh nghiệp và Điều lệ Quỹ này.

ĐIỀU 23. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

1. Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà Đầu tư cho từng Nhà Đầu tư và báo cáo thời gian, chương trình và nội dung dự kiến đó cho UBCKNN ít nhất 15 ngày trước khi tiến hành Đại hội.
2. Nhà Đầu tư có thể trực tiếp tham dự Đại hội Nhà Đầu tư hoặc thông qua ủy quyền.
3. Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành hợp lệ khi có số Nhà Đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành.
4. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không được tiến hành hợp lệ theo quy định tại Khoản 3 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu tư tham dự.
5. Thể thức tiến hành cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư:
   a. Mỗi cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra một ban chủ tọa để điều hành cuộc họp và một thư ký cũng được chỉ định theo yêu cầu của Ban Đại diện Quỹ.
   b. Mọi vấn đề được thảo luận tại Đại hội Nhà Đầu tư được ghi vào biên bản cuộc họp. Biên bản cuộc họp do thư ký lập và chủ tọa cuộc họp ký. Biên bản cuộc họp bao gồm các nội dung sau đây:
   - Thời gian và địa điểm cuộc họp; mục đích và chương trình họp;
   - Số lượng và tỷ lệ số Vốn Điều lệ Quỹ được đại diện bởi các Nhà Đầu tư và những người được ủy quyền của các Nhà Đầu tư tham dự cuộc họp;
   - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết;
   - Tổng số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết;
   - Các quyết định đã được thông qua; và
   - Chữ ký có ghi rõ họ, tên của chủ tọa cuộc họp.

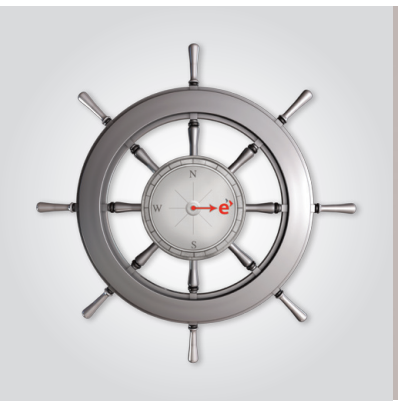
ĐIỀU 24. QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

1. Mỗi Đơn vị Quỹ tương ứng với một phiếu biểu quyết. Đại diện của Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ và Công ty Kiểm toán được quyền tham dự Đại hội Nhà Đầu tư nhưng không được biểu quyết.
2. Tùy thuộc vào Điều 21 của Điều lệ Quỹ này, Đại hội Nhà Đầu tư sẽ thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Nguyên tắc, nội dung, trình tự và thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản như sau:
   a. Ban Đại diện Quỹ phải lập một mẫu ý kiến bằng văn bản, một bản thảo nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu tư và các tài liệu khác giải trình dự thảo nghị quyết. Mẫu ý kiến bằng văn bản cùng với các bản dự thảo nghị quyết và các tài liệu giải trình phải được gửi theo cách bảo đảm tới được địa chỉ của từng Nhà Đầu tư đăng ký trong Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư Chính.
   b. Bất kỳ mẫu ý kiến bằng văn bản nào đã được điền đầy đủ đều phải có chữ ký của Nhà Đầu tư có liên quan.
   c. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố cho các Nhà Đầu tư trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày kiểm phiếu.
   d. Một nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các Nhà Đầu tư có giá trị tương tự như một nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua tại một cuộc họp.

4. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư tại một cuộc họp được thông qua khi:
    a. Quyết định đó được thông qua bởi số Nhà Đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà Đầu tư tham dự cuộc họp hoặc được đại diện tại cuộc họp; và
    b. Tổng số phiếu biểu quyết thông qua quyết định đó không ít hơn 30% số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết.
5. Đối với các nội dung quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 22 của Điều lệ Quỹ này, một quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư tại một cuộc họp được thông qua khi:
    a. Quyết định đó được thông qua bởi số Nhà Đầu tư đại diện cho ít nhất 65% tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà Đầu tư tham dự cuộc họp hoặc được đại diện tại cuộc họp; và
    b. Tổng số phiếu biểu quyết thông qua quyết định đó không ít hơn 40% số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết.
6. Trường hợp cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư tổ chức theo quy định tại Khoản 4 Điều 23 của Điều lệ Quỹ này, đồng thời, số Nhà Đầu tư tham dự cuộc họp hoặc được đại diện tại cuộc họp đại diện cho dưới 51% tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết, thì quyết định được thông qua khi các yêu cầu quy định tại điểm a Khoản 4 của Điều này được đáp ứng. Đối với các nội dung quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 22 của Điều lệ Quỹ này, các quyết định chỉ được đưa ra khi đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm a Khoản 5 của Điều này.
7. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, bất kỳ quyết định nào cũng được thông qua nếu được chấp thuận bởi số Nhà Đầu tư đại diện cho ít nhất 65% tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tính đến thời điểm biểu quyết.
8. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát bảo đảm rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ Quỹ này.
9. Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết của Đại hội và gửi cho UBCKNN trong vòng bảy (07) ngày kể từ khi kết thúc Đại hội Nhà Đầu tư và công bố nghị quyết đó cho các Nhà Đầu tư.

ĐIỀU 25. PHẢN ĐỐI QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà Đầu tư bỏ phiếu phản đối quyết định về các vấn đề nêu tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 22 của Điều lệ Quỹ này có thể yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư đó hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư thành chứng chỉ quỹ của bất kỳ quỹ mở nào do Công ty Quản lý Quỹ quản lý mà có cùng chính sách đầu tư. Yêu cầu đó phải bằng văn bản và nêu rõ tên, địa chỉ, số tài khoản lưu ký của Nhà Đầu tư và số lượng Đơn vị Quỹ, và yêu cầu đó phải được gửi cho Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu tư ra quyết định.
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày công bố quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở Giá trị Tài sản Ròng xác định tại ngày họp Đại hội Nhà Đầu tư và Nhà Đầu tư không phải thanh toán Phí Mua lại hay Phí Chuyển đổi.



CHƯƠNG V
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

ĐIỀU 26. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

1. Ban Đại diện Quỹ có từ 3 đến 11 thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba là các thành viên độc lập.
2. Ban Đại diện Quỹ phải có:
   a. Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
   b. Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
   c. Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về pháp luật và các quy định áp dụng trong lĩnh vực chứng khoán.
3. Nhiệm kỳ của Ban Đại diện Quỹ là ba (03) năm.

ĐIỀU 27. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN VÀ BẦU THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ được bầu và bãi nhiệm bằng quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư. Mỗi ứng viên phải đưa ra bằng chứng là cá nhân đó đáp ứng các điều kiện được quy định tại Bản Cáo bạch. Các ứng viên nhận được số phiếu cao hơn được bầu vào các vị trí còn trống.

ĐIỀU 28. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà Đầu tư;
2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá và các nguyên tắc và phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ; phê duyệt danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản khác mà Quỹ được phép đầu tư; phê duyệt giao dịch mua tài sản hoặc bán tài sản giữa Quỹ và các quỹ khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý hoặc với chính Công ty Quản lý Quỹ, công ty liên kết hay nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ trong phạm vi thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận và các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết hoặc chứng khoán chưa đăng ký giao dịch.
3. Phê chuẩn mức lợi nhuận được phân phối; thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh của Quỹ; xem xét các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
4. Trường hợp được Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất ủy quyền, Ban Đại diện Quỹ có quyền quyết định các vấn đề nêu tại điểm 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 22 Điều lệ Quỹ này. Ban Đại diện Quỹ thông qua Công ty Quản lý Quỹ, trong vòng 15 ngày kể từ ngày đưa ra quyết định về các vấn đề quy định tại Khoản này, sẽ gửi biên bản cuộc họp và các nghị quyết tới UBCKNN, Ngân hàng Giám sát và các Nhà Đầu tư.

5. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đủ các tài liệu và thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát của Quỹ; và
6. Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định theo Điều lệ Quỹ này.

Khi thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, Ban Đại diện Quỹ phải tuân thủ các quy định có liên quan, Điều lệ Quỹ này và quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với các quy định liên quan hoặc gây thiệt hại cho Quỹ, thì các thành viên đã chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng chịu trách nhiệm về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; các thành viên phản đối quyết định đó được miễn trừ trách nhiệm.

ĐIỀU 29. CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

1. Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số các thành viên của Ban Đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ phải là một thành viên độc lập. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ tương tự như nhiệm kỳ của Ban Đại diện Quỹ.
2. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a. Lập chương trình và kế hoạch làm việc của Ban Đại diện Quỹ;
   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung và các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Đại diện Quỹ;
   c. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ;
   d. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ Quỹ này.

ĐIỀU 30. THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì một thành viên Ban Đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên còn lại của Ban Đại diện Quỹ lựa chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Trong trường hợp này, việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ được thực hiện tại Đại hội Nhà Đầu tư tiếp theo.

ĐIỀU 31. VIỆC ĐÌNH CHỈ, BÃI NHIỆM VÀ TỪ CHỨC CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

1. Thành viên của Ban Đại diện Quỹ bị đình chỉ, bãi nhiệm hoặc đương nhiên thôi chức vụ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
   a. Bị truy tố trách nhiệm hình sự;
   b. Bị tòa án có thẩm quyền tuyên bố là người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;
   c. Bị cấm hoạt động với tư cách là thành viên của một ban đại diện quỹ theo các quy định có liên quan;
   d. Ngay sau khi được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận văn bản thông báo từ chức của thành viên đó;
   e. Ngay sau khi kết thúc nhiệm kỳ thành viên Ban Đại diện Quỹ;
   f. Ngay sau khi qua đời;
   g. Khi các điều kiện về nắm giữ Chứng chỉ Quỹ không còn được thành viên hoặc Nhà Đầu tư mà thành viên đó đại diện đáp ứng;

h. Ngay khi có quyết định bãi nhiệm của Đại hội Nhà Đầu tư đối với thành viên đó vì các hành vi trái với các quyền và nghĩa vụ được giao của thành viên đó theo Điều lệ Quỹ này hoặc các hành vi gây thiệt hại tới quyền lợi của Quỹ và của các Nhà Đầu tư; hoặc

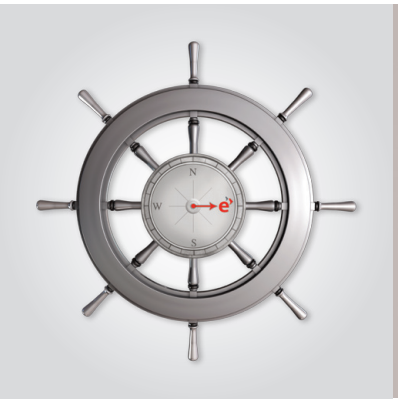
k. Khi thành viên Ban Đại diện Quỹ không còn đáp ứng được các điều kiện quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 26 nêu trên.

2. Việc bổ sung/thay thế các thành viên Ban Đại diện Quỹ được quyết định tại Đại hội Nhà Đầu tư tiếp theo, ngoại trừ trường hợp việc đình chỉ, bãi nhiệm của Ban Đại diện Quỹ như quy định tại Điều này khiến cho số thành viên Ban Đại diện Quỹ ít hơn ba thành viên theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp đó, Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lựa chọn một thành viên đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 điều 6 của Điều lệ Quỹ này để tạm thời thay thế trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày bãi nhiệm. Thành viên thay thế tạm thời thực thi các quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ cho tới khi Đại hội Nhà Đầu tư chính thức chỉ định được một thành viên mới.

ĐIỀU 32. CUỘC HỌP BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

1. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ triệu tập các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ được tổ chức ít nhất mỗi quý một lần, và trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
2. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ được tiến hành hợp lệ khi ít nhất có hai phần ba tổng số thành viên trở lên có mặt, trong đó phải có ít nhất 51% số thành viên độc lập.
3. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được đưa ra bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe hoặc nhìn khác, hoặc bằng việc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết.
4. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu quyết định đó được từ 51% số thành viên dự họp trở lên và ít nhất là 51% số thành viên độc lập thông qua. Các quyết định được lập theo cách lấy ý kiến bằng văn bản phải (i) được biểu quyết thông qua bởi ít nhất hai phần ba số thành viên trở lên, trong đó các thành viên độc lập phải chiếm 51% trở lên và (ii) nhận được các phiếu thuận của ít nhất 51% số thành viên có quyền biểu quyết trở lên và ít nhất 51% số thành viên độc lập có quyền biểu quyết.
5. Các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ và các buổi kiểm phiếu của các quyết định theo cách lấy ý kiến phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải cùng chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản cuộc họp.





CHƯƠNG VI
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

ĐIỀU 33. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý quỹ;
3. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng Giám sát;
4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ quản lý quỹ và có tiêu chuẩn quản lý quỹ quốc tế; và
5. Có các chính sách và thủ tục thích hợp về chống tham nhũng, chống rửa tiền, ngăn chặn xung đột quyền lợi, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.

ĐIỀU 34. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ
   a. Tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ. Thực hiện các hoạt động quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư theo các quy định liên quan của Luật Chứng khoán, Điều lệ Quỹ và tùy thuộc vào sự giám sát của Ngân hàng Giám sát;
   b. Tuân thủ các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Ban Đại diện Quỹ;
   c. Thiết lập các hệ thống về kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và giám sát và hệ thống ngăn chặn các xung đột lợi ích trong phạm vi Công ty Quản lý Quỹ và trong các giao dịch với các Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ;
   d. Tuân thủ các yêu cầu tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định pháp luật;
   e. Tuân thủ các thủ tục áp dụng về kế toán, kiểm toán, thống kê và thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo pháp luật;
   f. Công bố các thông tin theo Điều 104 của Luật Chứng khoán và tuân thủ các yêu cầu về báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính và các quy định có liên quan;
   g. Bồi thường bất kỳ tổn thất nào của Quỹ phát sinh do không thực hiện đúng các trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ được quy định trong Điều lệ Quỹ này, theo các quy định pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan;
   h. Xác định hoặc bảo đảm việc xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ theo quy định của Điều 88 Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ này;
   i. Bảo đảm rằng Công ty Quản lý Quỹ và những người sau đây của Công ty Quản lý Quỹ không phải là Người có liên quan của Ngân hàng Giám sát: thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát, ban điều hành; và
   j. Bảo đảm rằng thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không đồng thời làm việc tại các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị Quỹ của Ngân hàng Giám sát.

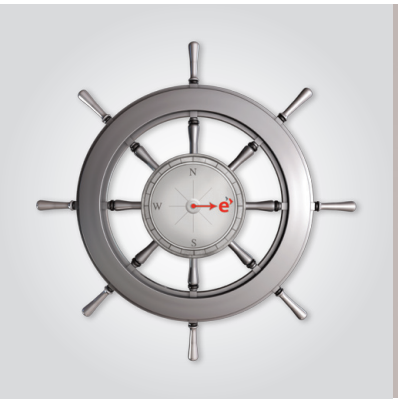
2. Quyền của Công ty Quản lý Quỹ:
   a. Nhận các khoản phí theo quy định của Điều lệ Quỹ này và các quy định pháp luật hiện hành;
   b. Thực hiện hoạt động kinh doanh theo giấy phép thành lập và hoạt động;
   c. Tham dự Đại hội Nhà Đầu tư; và
   d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ này.

ĐIỀU 35. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ chấm dứt trong các trường hợp sau:
   a. Theo đề nghị của Ban Đại diện Quỹ sau khi đề nghị đó đã được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận;
   b. Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ bị thu hồi; hoặc
   c. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ hợp nhất hoặc sáp nhập với một Công ty Quản lý Quỹ khác, trừ khi Đại hội Nhà Đầu tư có phê chuẩn khác.
2. Ít nhất sáu (06) tháng trước thời điểm dự kiến chấm dứt việc quản lý Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư để tham khảo Nhà Đầu tư về việc chấm dứt đó và các hậu quả dự kiến của dự định chấm dứt đó đối với các quyền và nghĩa vụ của Quỹ và các nhiệm vụ kéo theo của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ.

ĐIỀU 36. HẠN CHẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được là Người có liên quan của Ngân hàng Giám sát; thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị Quỹ tại Ngân hàng Giám sát và ngược lại.
2. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của mình để đầu tư vào Quỹ.
3. Các thành viên của Ban giám đốc, người quản lý, Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ chỉ mua/bán Chứng chỉ Quỹ theo giá thị trường của Chứng chỉ Quỹ đó.
4. Công ty Quản lý Quỹ không đầu tư, thực hiện góp vốn hoặc mua cổ phần trong một Công ty Quản lý Quỹ khác hoặc một công ty chứng khoán khác.
5. Công ty Quản lý Quỹ không mở bất kỳ tài khoản giao dịch chứng khoán nào của Quỹ tại các công ty chứng khoán là Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ.
6. Công ty Quản lý Quỹ không sử dụng vốn của Quỹ để mua tài sản của các quỹ đầu tư khác do chính mình quản lý.
7. Công ty Quản lý Quỹ không sử dụng vốn của Quỹ để đầu tư vào tài sản hoặc chứng khoán mà Công ty Quản lý Quỹ hoặc Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ có quyền lợi liên quan, trừ trường hợp có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ.
8. Ngoài các loại phí và mức phí đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ này và Bản Cáo bạch, Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không hưởng bất kỳ khoản thu nhập hay lợi ích nào phát sinh từ việc sử dụng các dịch vụ giao dịch tài sản được cung cấp từ bất kỳ bên thứ ba nào. Nếu có, khoản thu nhập hay lợi ích đó phải được nộp cho Quỹ.
9. Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện các giao dịch có thể làm phát sinh các chi phí và rủi ro bất hợp lý đối với Quỹ. Trường hợp phát sinh các chi phí thì Công ty Quản lý Quỹ phải chịu các chi phí này và không được ghi vào chi phí của Quỹ.



CHƯƠNG VII
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



ĐIỀU 37. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều 98 Luật Chứng khoán và không phải là Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ. Nhân viên làm việc tại các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát và quản trị Quỹ tại Ngân hàng Giám sát không được đồng thời là thành viên hội đồng thành viên của Công ty Quản lý Quỹ, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ.

ĐIỀU 38. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát:
   a. Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu tư;
   b. Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng Giám sát;
   c. Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ này;
   d. Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng các quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng Giám sát và Điều lệ Quỹ này;
   e. Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các quỹ khác với tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và với tài sản của chính Ngân hàng Giám sát;
   f. Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho các tổ chức lưu ký phụ;
   g. Giám sát hoặc tính toán Giá trị Tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các qui định có liên quan và Điều lệ Quỹ để đảm bảo việc tính toán Giá trị Tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
   h. Xử lý các giao dịch về chứng khoán của Quỹ theo chỉ thị của Công ty Quản lý Quỹ, với điều kiện Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát tin rằng những chỉ thị đó là không hợp pháp hoặc không phù hợp với các quy định pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ này. Trong trường hợp từ chối, Ngân hàng Giám sát phải đưa ra các lý do và gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và UBCKNN;
   i. Thực hiện đối chiếu thường xuyên và bảo đảm việc tách bạch tài sản của Quỹ với các tài sản của Công ty Quản lý Quỹ;
   j. Thay mặt Quỹ thanh toán những khoản chi phí hợp lý và hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị của Công ty Quản lý Quỹ và đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ này;

k. Thanh toán tiền cho các Nhà Đầu tư khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ, khi Quỹ phân phối thu nhập, và khi Quỹ bị thanh lý, các tài sản còn lại phải được phân chia cho các Nhà Đầu tư, và trong các trường hợp khác theo các quy định có liên quan theo Điều lệ Quỹ và theo các chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ; và

l. Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số Chứng chỉ Quỹ đã phát hành, số Chứng chỉ Quỹ do mỗi Nhà Đầu tư sở hữu, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố định danh khác của Nhà Đầu tư đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi (nếu có).

2. Quyền của Ngân hàng Giám sát:

a. Được hưởng phí dịch vụ theo quy định của Điều lệ Quỹ này và theo các quy định có liên quan. Ngân hàng Giám sát không được phép nhận bất cứ lợi ích nào cho chính ngân hàng hoặc cho bất kỳ bên thứ ba nào;

b. Tham dự Đại hội Nhà Đầu tư; và

c. Các quyền khác theo pháp luật và theo Hợp đồng Giám sát.

ĐIỀU 39. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

1. Phạm vi giám sát của Ngân hàng Giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ. Khi thực hiện hoạt động giám sát của mình, Ngân hàng Giám sát phải:

a. Phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc và phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên mỗi Đơn vị Quỹ để bảo đảm việc xác định là hợp lệ, chính xác và theo quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ;

b. Kiểm tra và giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký trong Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư Chính tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra và giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp phát hiện bất cứ vi phạm nào đối với các quy định pháp luật, Ngân hàng Giám sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thực hiện sửa lỗi đã xác định hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;

c. Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể và thanh lý tài sản của Quỹ;

d. Giám sát và bảo đảm tính hợp pháp, và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phí phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ này; và

e. Kiểm tra và giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ này.

2. Ngân hàng Giám sát chịu trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian ít nhất là mười (10) năm các hồ sơ và chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ các nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát liên quan tới các dịch vụ của ngân hàng dành cho Quỹ và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến Quỹ theo quy định của pháp luật. Các hồ sơ và chứng từ đó phải được cung cấp cho UBCKNN theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.

3. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ và Công ty Kiểm toán để các tổ chức này có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ này.

4. Ngân hàng Giám sát có quyền kiểm tra hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ, rà soát và thẩm định năng lực của hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, duy trì sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư đối với Chứng chỉ Quỹ và các thông tin cần

thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.

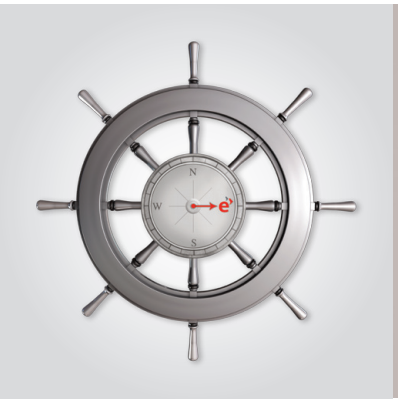
5. Ngân hàng Giám sát có thể sử dụng các dịch vụ do các Công ty Kiểm toán và các tổ chức khác cung cấp để thực hiện các quy định tại Khoản 4 Điều này. Ngân hàng Giám sát và các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra và giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng Giám sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi thông tin của Công ty Quản lý Quỹ của Quỹ và của Nhà Đầu tư. Biên bản kiểm tra do các bên liên quan ký và xác nhận và bất kỳ tài liệu nào đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.
6. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu tư theo chỉ thị của Công ty Quản lý Quỹ và theo pháp luật. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm liên đới với Công ty Quản lý Quỹ và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư và cho Quỹ do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm của mình trong việc giám sát Quỹ, xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại được thực hiện theo thỏa thuận giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
7. Công ty Quản lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm đặt tiền của Quỹ tại bất kỳ ngân hàng hoặc tổ chức nào nếu cho là thích hợp và Ngân hàng Giám sát, khi nhận được chỉ thị của Công ty Quản lý Quỹ, đặt khoản tiền được lưu giữ đến ngân hàng hoặc tổ chức theo chỉ định của Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân hàng Giám sát không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và không chịu trách nhiệm khi các ngân hàng hay tổ chức đó bị giải thể, mất khả năng thanh toán hay phá sản.
8. Đối với các loại chứng khoán mà Quỹ mua đầu tư hoặc thuộc sở hữu của Quỹ nhưng chưa được lưu ký tại Ngân hàng Giám sát thì Ngân hàng Giám sát có quyền xác minh hàng tháng việc đăng ký các chứng khoán này dưới tên của Quỹ. Nếu Quỹ gửi tiền mặt tại các ngân hàng hay tổ chức khác, Ngân hàng Giám sát xác minh hàng tháng những khoản tiền đó. Để thực hiện điều này, Công ty Quản lý Quỹ yêu cầu tổ chức phát hành, các ngân hàng và tổ chức mà Quỹ gửi tiền, hàng tháng gửi xác nhận trực tiếp tới Ngân hàng Giám sát. Ngân hàng Giám sát có quyền tin tưởng vào xác nhận của các tổ chức phát hành, ngân hàng và tổ chức nhận tiền gửi và không chịu trách nhiệm cho những hành vi lừa dối, vi phạm pháp luật hay thiếu sót của các tổ chức phát hành, ngân hàng hay tổ chức nhận tiền gửi đó.
9. Ngân hàng Giám sát không chịu trách nhiệm tiến hành định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ mà chỉ có nghĩa vụ kiểm tra Công ty Quản lý Quỹ đã tiến hành việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ hay chưa. Để tránh hiểu lầm, Ngân hàng Giám sát cũng không chịu trách nhiệm khi Công ty Quản lý Quỹ tiến hành định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ khi căn cứ vào các quy định hoặc chấp thuận nội bộ của Quỹ (như Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch hoặc các nghị quyết chấp thuận của Đại hội Nhà Đầu tư hay Ban Đại diện Quỹ) trong những trường hợp dưới đây:
    a. Ngân hàng Giám sát không thể kiểm tra việc định giá một cách độc lập hoặc xác nhận giá trị của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ sử dụng ít nhất hai nguồn cung cấp giá độc lập;
    b. Ngân hàng Giám sát sử dụng dịch vụ định giá tự động hoặc dịch vụ do nhà môi giới, nhà tạo lập thị trường, nhà trung gian hoặc bên thứ ba cung cấp theo chỉ thị từ Quỹ hoặc Công ty Quản lý Quỹ; và
    c. Ngân hàng Giám sát chỉ căn cứ trên kết quả định giá hoặc thông tin định giá đối với tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ do những chủ thể sau đây cung cấp: (i) Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ban Đại diện của Quỹ, hoặc (ii) nhà môi giới, nhà tạo lập thị trường, nhà trung gian hoặc bên thứ ba cung cấp theo chỉ thị từ Quỹ hoặc Công ty Quản lý Quỹ.

10. Ngân hàng Giám sát không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào do hậu quả hoặc liên quan tới những sai sót, không chính xác hay chậm chễ phát sinh theo Khoản 9 Điều 39 nêu trên.
11. Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ đồng ý bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng Giám sát đối với những thiệt hại thực tế và trực tiếp liên quan đến bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện, chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại khác mà Ngân hàng Giám sát phải gánh chịu do thực hiện khoản 9 Điều 39 nêu trên, trừ những thiệt hại do chính Ngân hàng Giám sát hoặc nhân viên, lãnh đạo của Ngân hàng Giám sát gian lận, lừa dối, sơ suất hay cẩu thả.

ĐIỀU 40. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI QUỸ

1. Ngân hàng Giám sát chấm dứt các quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau đây:
   a. Ngân hàng Giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán;
   b. Chấm dứt Hợp đồng Giám sát theo quy định tại Hợp đồng Giám sát;
   c. Quỹ hết thời gian hoạt động, bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập; hoặc
   d. Theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư.
2. Thể thức thay đổi Ngân hàng Giám sát:
   a. Trường hợp chấm dứt quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, mọi quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ được chuyển giao cho một Ngân hàng Giám sát khác đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 37 của Điều lệ Quỹ này;
   b. Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm báo cáo UBCKNN về việc lựa chọn Ngân hàng Giám sát thay thế dự kiến theo các thể thức liên quan quy định bởi pháp luật;
   c. Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày có phê chuẩn của UBCKNN về việc thay thế đó, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo cho Nhà Đầu tư về việc thay thế Ngân hàng Giám sát; và
   d. Các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát chỉ chính thức chấm dứt khi hoàn thành việc bàn giao các quyền và nghĩa vụ từ Ngân hàng Giám sát sang Ngân hàng Giám sát thay thế. Ngân hàng Giám sát thay thế phải lập biên bản bàn giao có sự chứng kiến của Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ. Biên bản bàn giao đó phải được báo cáo lên UBCKNN.





CHƯƠNG VIII
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ QUỸ

ĐIỀU 41. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ỦY QUYỀN (CÁC DỊCH VỤ ĐƯỢC THUÊ NGOÀI)

Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho các tổ chức cung cấp dịch vụ bên ngoài thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng các điều khoản và quy định trong bản Điều lệ Quỹ này và quy định pháp luật liên quan. Các hoạt động được ủy quyền bao gồm và không hạn chế:

- Hoạt động dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng
- Hoạt động dịch vụ quản trị Quỹ
- Các hoạt động khác (nếu có)

ĐIỀU 42. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ QUỸ

1. Có năng lực phù hợp, hệ thống quản lý, nhân sự, kinh nghiệm và chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ của Đại lý Chuyển nhượng và của tổ chức quản trị Quỹ;
2. Đáp ứng đủ năng lực trong cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;
3. Có đủ khả năng để đáp ứng các yêu cầu quy định có liên quan;
4. Có hệ thống kiểm soát an ninh và nội bộ, phạm vi công việc kiểm toán, báo cáo và giám sát môi trường;
5. Có năng lực tài chính và quyền lợi bảo hiểm cần thiết; và
6. Các tiêu chí khác được yêu cầu bởi Công ty Quản lý Quỹ tùy từng thời điểm.

ĐIỀU 43. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ QUỸ

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:
   a. Các tổ chức cung cấp dịch vụ quỹ thực hiện các hoạt động được ủy quyền theo các điều kiện và điều khoản hợp đồng dịch vụ vì lợi ích cao nhất của Quỹ và của Công ty Quản lý Quỹ;
   b. Các tổ chức cung cấp dịch vụ quỹ chỉ thực hiện các hoạt động được ủy quyền trong giới hạn của phạm vi dịch vụ được quy định tại hợp đồng dịch vụ.
2. Tổ chức cung cấp dịch vụ nhận ủy quyền phải đáp ứng các điều kiện sau đây:
   a. Có đủ năng lực, hệ thống, nhận sự, kinh nghiệm, chuyên nghiệp, hạ tầng cơ sở vật chất, giấy phép và thẩm quyền nhận và cung cấp dịch vụ ủy quyền theo quy định của pháp luật. Đối với hoạt động ủy quyền cho bên cung cấp dịch vụ ở nước ngoài, tổ chức cung cấp dịch vụ nhận ủy quyền phải có đủ giấy phép, thẩm quyền cung cấp dịch vụ theo pháp luật nước sở tại và phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và chịu sự giám sát của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;

b. Bộ phận cung cấp dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại về tổ chức nhân sự, hệ thống, quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;

c. Đối với dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng và dịch vụ quản trị Quỹ đầu tư (nếu có), toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác và phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật và phù hợp với chính sách của Công ty Quản lý Quỹ được áp dụng theo từng thời điểm;

d. Tổ chức cung cấp dịch vụ nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động được ủy quyền một cách hiệu quả và cẩn trọng; có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan đến Nhà Đầu tư và các đối tác của Công ty Quản lý Quỹ; và

e. Tổ chức cung cấp dịch vụ nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan đến các hoạt động được ủy quyền để phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý Quỹ.

ĐIỀU 44. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÃ ỦY QUYỀN

1. Việc ủy quyền cho các tổ chức cung cấp dịch vụ quỹ không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ.
2. Trước khi ký kết hợp đồng dịch vụ với bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn.
3. Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã uỷ quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ.
4. Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm được quy định tại Điều này.
5. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.
6. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Kiểm toán, cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.
7. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu tư.
8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền như đã được quy định tại Hợp đồng Dịch vụ.
9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

10. Tối thiểu một năm một lần, Công ty Quản lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả việc thực hiện hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:

    a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ;

    b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận và mức độ rủi ro của Quỹ;

    c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công ty Quản lý Quỹ); và

    d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu tư.

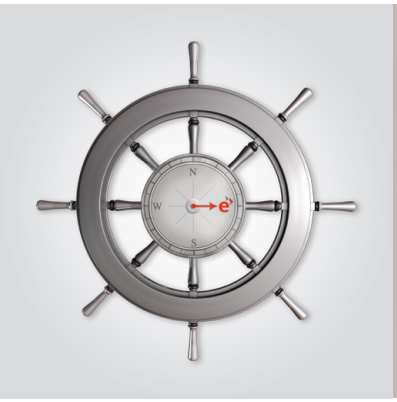
    Các báo cáo về việc kiểm tra giám sát và đánh giá hiệu quả việc thực hiện hoạt động ủy quyền theo Điều này và các tài liệu liên quan đến các báo cáo này phải được cung cấp cho hội đồng thành viên của Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ, Ngân hàng Giám sát và UBCKNN trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày báo cáo được tổng hợp.

ĐIỀU 45. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

Hoạt động ủy quyền chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

1. Ngay sau khi chấm dứt/hết thời hạn của hợp đồng dịch vụ;
2. Ngay sau khi bên nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị thanh lý hoặc tuyên bố phá sản;
3. Theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ hoặc của Ban Đại diện Quỹ; hoặc
4. Các trường hợp khác được quy định tại hợp đồng dịch vụ.





CHƯƠNG IX
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI



ĐIỀU 46. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

1. Công ty Quản lý Quỹ có thể lựa chọn một hoặc nhiều Đại lý Phân phối để trợ giúp trong việc phân phối các Chứng chỉ Quỹ và các vấn đề khác liên quan đến Quỹ, đến Chứng chỉ Quỹ và đến Nhà Đầu tư.
2. Các Đại lý Phân phối được lựa chọn bởi Công ty Quản lý Quỹ phải có giấy phép do UBCKNN cấp để thực hiện hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật để phân phối Chứng chỉ Quỹ.
3. Công ty Quản lý Quỹ được tự mình phân phối Chứng chỉ Quỹ và phải bảo đảm:
   a. Việc chào bán, phát hành được thực hiện tại trụ sở chính và các địa điểm kinh doanh hợp pháp khác của Công ty Quản lý Quỹ. Việc thực hiện thông qua internet, điện thoại, fax, email tuân thủ theo các quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực chứng khoán; và
   b. Các nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được kiêm nhiệm, làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ.

ĐIỀU 47. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐẠI LÝ KÝ DANH

1. Nghĩa vụ của Đại lý Phân phối:
   a. Đại lý Phân phối và các nhân viên của họ khi hoạt động phân phối các Chứng chỉ Quỹ, phải tự nguyện, công bằng, và trung thực đối với các Nhà Đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác cho Nhà Đầu tư để Nhà Đầu tư tự đưa ra các quyết định đầu tư của riêng họ. Các thông tin, dữ liệu, dự báo tình hình kinh tế được cung cấp cho các Nhà Đầu tư cần phải được căn cứ vào các dữ liệu và sự kiện có thực và được đính kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được cung cấp cho Nhà Đầu tư các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn hoặc các thông tin sai lệch.
   b. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ Quỹ sau khi các Nhà Đầu tư đã được cung cấp đầy đủ các bản sao của Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt được trích từ Bản Cáo bạch, các hợp đồng được dẫn chiếu trong Bản Cáo bạch và các bản báo cáo cập nhật mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên Phân Phối phải cung cấp tất cả các giải trình liên quan cho các Nhà Đầu tư tương lai và các Nhà Đầu tư và phải bảo đảm rằng các Nhà Đầu tư tương lai và Nhà Đầu tư này đã hiểu rõ nội dung của Điều lệ Quỹ và Bản Cáo bạch, đặc biệt là các mục tiêu và chính sách đầu tư, chiến lược đầu tư để đạt được mục tiêu này, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, các chính sách phân phối lợi nhuận, các khoản thuế, phí và lệ phí và các chi phí khác và cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
   c. Nhân viên phân phối có trách nhiệm cung cấp các thông tin đầy đủ và chính xác về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường và các nhân tố khác.

d. Nhân viên phân phối không được phép cung cấp thông tin sai sự thật hoặc khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, hoặc cung cấp các thông tin không đầy đủ hoặc chưa hoàn chỉnh, hoặc dự báo các sự kiện tương lai để dụ dỗ hay mời chào các Nhà Đầu tư tương lai và các Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ. Nhân viên phân phối không được phép tạo ra sự hiểu nhầm về đặc tính về lợi nhuận và rủi ro của việc đầu tư vào các Chứng chỉ Quỹ. Khi so sánh các Chứng chỉ Quỹ này với các chứng chỉ của các quỹ mở khác, sự khác biệt này cần phải được làm rõ và nhấn mạnh với các Nhà Đầu tư tương lai để họ lựa chọn. Nhân viên phân phối không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, hoặc xúi giục các Nhà Đầu tư tương lai mua Chứng chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu tư tương lai này chưa hiểu rõ hết về tất cả các rủi ro tiềm ẩn của việc đầu tư vào Quỹ, hoặc trong trường hợp các Quỹ đó không phù hợp cho mục tiêu đầu tư và các năng lực tài chính của Nhà Đầu tư tiềm năng và Nhà Đầu tư này.

e. Đại lý Phân phối và nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật tất cả các thông tin của Nhà Đầu tư và thông tin giao dịch của Nhà Đầu tư. Đại lý Phân phối và nhân viên phân phối không được quyền sử dụng bất kỳ thông tin nào vì bất kỳ mục đích gì trừ trường hợp được Nhà Đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà Nước có thẩm quyền.

f. Đại lý Phân phối không được chiết khấu hoặc giảm giá giao dịch của Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào. Nghiêm cấm việc tặng quà hoặc sử dụng lợi ích vật chất/tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ hoặc yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hoặc lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ ngoài các mức phí đã được công bố tại Bản Cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối được ký kết với Công ty Quản lý Quỹ.

g. Đại lý Phân phối không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa được đăng ký hoạt động hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận hoạt động theo quy định pháp luật hoặc chưa được thông báo với UBCKNN. Đại lý Phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ khi phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư và Nhà Đầu tư tiềm năng.

h. Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức và cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối cần phải được gửi kèm theo báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý Quỹ.

2. Quyền của Đại lý Phân phối:

Đại lý Phân phối được quyền nhận một khoản chi phí dịch vụ phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ này và Hợp đồng Phân phối.

ĐIỀU 48. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐẠI LÝ KÝ DANH

1. Hoạt động của Đại lý Phân phối bao gồm:

a. Thu thập và tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu tư và các người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật về chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố.

b. Tiếp nhận và chuyển lệnh giao dịch liên quan đến Chứng chỉ Quỹ tới Công ty Quản lý Quỹ và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan một cách đầy đủ, kịp thời và chính xác; Đại lý Phân phối không được phép tổng hợp hoặc bù trừ các lệnh giao dịch, hoặc không được trực tiếp nhận tiền từ Nhà Đầu tư hoặc thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư.

c. Hỗ trợ Nhà Đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ đăng ký Nhà Đầu tư chính.

d. Xác nhận quyền sở hữu Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu tư và chuyển nhượng quyền sở hữu như được quy định tại các điều khoản liên quan trong Luật Chứng khoán.

e. Duy trì kênh thông tin liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu tư, bảo đảm cập nhật cho Nhà Đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp thắc mắc của từ Nhà Đầu tư về Chứng chỉ Quỹ; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch của Chứng chỉ Quỹ, cung cấp cho Nhà Đầu tư các bản sao Bản Cáo bạch và Bản Cáo bạch tóm tắt liên quan, báo cáo tài chính của Quỹ, các tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư và các thông tin có liên quan khác của Quỹ; thực hiện chế độ báo cáo, công bố các thông tin được ủy quyền của Công ty Quản lý Quỹ.

f. Hỗ trợ Công ty Quản lý Quỹ và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan tổ chức tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư; nhận ủy quyền để tham dự và thực hiện quyền biểu quyết tại các cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư khi nhận được các chỉ thị bằng văn bản từ Nhà Đầu tư.

g. Tổng hợp, cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ và lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu tư và các giao dịch của Nhà Đầu tư, các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan và UBCKNN khi nhận được yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ và UBCKNN.

2. Hoạt động của Đại lý Ký danh bao gồm:

a. Thực hiện chức năng Đại lý Phân phối quy định tại Khoản 1 Điều này đối với Nhà Đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản của Nhà Đầu tư.

b. Lập và quản lý Sổ Phụ đối với Nhà Đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản ký danh; lập và quản lý hệ thống tiểu khoản; cập nhật và cung cấp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu tư, bao gồm cả thông tin về sở hữu, thông tin về giao dịch cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.

c. Thực hiện lệnh giao dịch cho tài khoản ký danh trên cơ sở tổng hợp các lệnh giao dịch từ Nhà Đầu tư, bảo đảm lệnh mua được thực hiện đầy đủ, lệnh bán được phân bổ một cách công bằng và việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

d. Thực hiện mọi chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động của Đại lý Phân phối quy định tại Điều lệ Quỹ này và quy định của pháp luật.

3. Bên cạnh chức năng, nhiệm vụ của Đại lý Ký danh nêu tại Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt, Đại lý Ký danh phải tuân thủ các quy định sau đây:

a. Tài sản trên tài khoản ký danh không thuộc sở hữu của Đại lý Ký danh, mà thuộc quyền sở hữu của Nhà Đầu tư tại Sổ phụ. Các Nhà Đầu tư này được thừa hưởng mọi quyền lợi và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tương ứng với số Đơn vị Quỹ đang nắm giữ có trên tài khoản ký danh. Nhà Đầu tư có quyền yêu cầu Đại lý Ký danh thực hiện việc chuyển quyền sở hữu số đơn vị quỹ có trên tài khoản ký danh sang tài khoản của Nhà Đầu tư (nếu có).

b. Đại lý Ký danh phải quản lý tách biệt tiền, tài sản của từng Nhà Đầu tư; quản lý tách biệt tiền và tài sản của Nhà Đầu tư với tiền, tài sản của chính mình. Đại lý Ký danh muốn giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho chính mình thì phải mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ độc lập với tài khoản ký danh.

c. Đại lý Ký danh không được sử dụng tiền, tài sản của Nhà Đầu tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu tư trên tài khoản ký danh; không được nhận ủy quyền của Nhà Đầu tư thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tiểu khoản của các Nhà Đầu tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ này và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của Nhà Đầu tư.

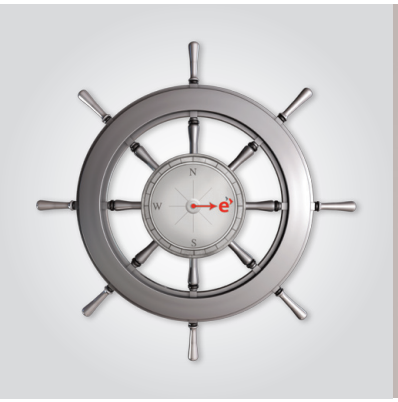
d. Đại lý Ký danh phải mở tài khoản tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại Ngân hàng Giám sát để nhận và thanh toán tiền cho các giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu tư theo quy định của pháp luật. Đại lý Ký danh chỉ được sử dụng tài khoản này để thanh toán cho các giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư hoặc trả lại tiền cho đúng Nhà Đầu tư đã chuyển

tiền nếu có yêu cầu. Ngân hàng Giám sát, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Ký danh cùng xây dựng hệ thống hoặc có cơ chế phối kết hợp để thường xuyên kiểm tra, đối soát các hoạt động của tài khoản này, bảo đảm:

- Theo dõi được chính xác tại mọi thời điểm số dư tiền (nếu có) của từng Nhà Đầu tư trên tài khoản này và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác về số dư tiền (nếu có) theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà Đầu tư, cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền; và
- Tiền (nếu có) của Nhà Đầu tư không bị lạm dụng hoặc bị sử dụng mà chưa được ủy quyền của Nhà Đầu tư bằng văn bản. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định này, Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan có trách nhiệm báo cáo UBCKNN và thông báo cho Nhà Đầu tư trong vòng 24 giờ.

e. Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày nhận được các khoản thanh toán từ Quỹ hoặc từ Nhà Đầu tư tham gia vào Quỹ, Đại lý Ký danh phải hoàn tất việc thanh toán cho Nhà Đầu tư theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, hoặc thanh toán cho Quỹ theo chỉ thị của Nhà Đầu tư.





CHƯƠNG X
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

ĐIỀU 49. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN VÀ THAY ĐỔI CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty Kiểm toán được đề cử bởi Công ty Quản lý Quỹ và được chấp thuận bởi Đại hội Nhà Đầu tư. Công ty Kiểm toán phải đáp ứng được các điều kiện sau đây:

1. Được thành lập hợp pháp và được cấp giấy phép hoạt động kiểm toán độc lập tại Việt Nam;
2. Có đủ năng lực để cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Quỹ;
3. Được chấp thuận bởi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép cung cấp dịch vụ kiểm toán theo quy định của Quyết định số 89/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2007 và các văn bản sửa đổi hoặc thay thế.

Công ty Quản lý Quỹ ký kết hợp đồng dịch vụ kiểm toán với Công ty Kiểm toán để thực hiện việc kiểm toán cho Báo cáo tài chính của Quỹ phù hợp với các quy định của Việt Nam.

Thời gian tối đa cho việc hoàn thành Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ là ba (03) tháng kể từ khi kết thúc Năm Tài chính.

ĐIỀU 50. NĂM TÀI CHÍNH

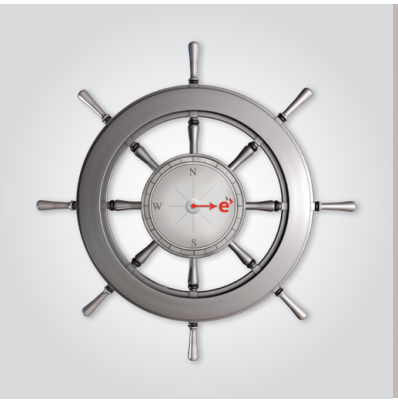
Năm Tài chính là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm Tài chính đầu tiên của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

ĐIỀU 51. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Quỹ áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

ĐIỀU 52. BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC BÁO CÁO KHÁC

Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ và các tài sản của Quỹ phù hợp với các quy định liên quan.



CHƯƠNG XI
GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

ĐIỀU 53. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên mỗi Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Điều lệ Quỹ này và tuân thủ với các quy định có liên quan.
2. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị phải được thực hiện bằng văn bản, hoặc bằng việc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai bởi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh kịp thời Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.
3. Trong thời hạn ba (03) ngày kể từ Ngày Định giá, Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, và Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và của Đại lý Phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
4. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ quỹ xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ là phù hợp các quy định của pháp luật và Giá trị Tài sản ròng của Quỹ được tính chính xác.
5. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ phải được xác định hàng tuần và phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho Nhà Đầu tư sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát xác nhận và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

ĐIỀU 54. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

1. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản của Quỹ trừ đi nợ phải trả của Quỹ bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định giá. Trường hợp không có giá thị trường tại Ngày Giao dịch gần nhất, hoặc giá thị trường có nhiều biến động theo quy định tại Điều lệ Quỹ này, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản đã được quy định tại Điều lệ Quỹ này, sổ tay định giá của quỹ hoặc sau khi đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản.
2. Giá trị Tài sản ròng trên mỗi Chứng chỉ Quỹ bằng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao dịch gần nhất trước đó. Giá trị Tài sản ròng trên mỗi Chứng chỉ Quỹ được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản ròng trên mỗi Chứng chỉ Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

3. Việc xác định giá tài sản của Quỹ được thực hiện theo phương pháp định giá được phê duyệt bởi Ban Đại diện Quỹ theo từng thời điểm phù hợp với các quy định được áp dụng.

ĐIỀU 55. QUY TRÌNH ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN CỦA QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ dựa trên phương pháp định giá được quy định tại Điều 54 và theo quy trình được quy định tại Phụ lục 1.5 của Điều lệ Quỹ này và phù hợp với các quy định của UBCKNN.

Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện việc xác định Giá trị Tài sản ròng, thì Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị Tài sản ròng là phù hợp với các quy định của pháp luật, Giá trị Tài sản ròng được tính chính xác.

Ngân hàng Giám sát xác nhận Giá trị Tài sản ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản ròng trên mỗi Chứng chỉ Quỹ. Việc xác nhận giá trị phải được thực hiện bằng văn bản, hoặc bằng việc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai bởi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh kịp thời Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.

ĐIỀU 56. ĐỀN BÙ THIỆT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ, QUỸ

1. Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại gây ra cho Quỹ và các Nhà Đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp Giá trị Tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót được coi nếu đạt từ 01% Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trở lên.
2. Trong trường hợp quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu tư bị ảnh hưởng bởi lỗi này được xác định như sau:
   a. Đối với Nhà Đầu tư đã mua Chứng chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và đã bán Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ Nhà Đầu tư đã bán.
   b. Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành.
3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu tư được xác định như sau:
   a. Đối với Nhà Đầu tư đã mua Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu Chứng chỉ Quỹ đó sau thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ Nhà Đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai đó.
   b. Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.
4. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù các thiệt hại được xác định trên cơ sở thiệt hại phát sinh từ phần đầu tư vượt hạn mức, chi phí vay gây ra cho Quỹ trong trường hợp:
   a. Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế quy định tại Điều lệ Quỹ; hoặc
   b. Sử dụng vốn vay trái mục đích, không phù hợp với quy định của pháp luật; hoặc vay vượt quá các hạn mức vay đã được quy định tại Điều lệ Quỹ này hoặc quy định của pháp luật; hoặc
   c. Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Quỹ này.

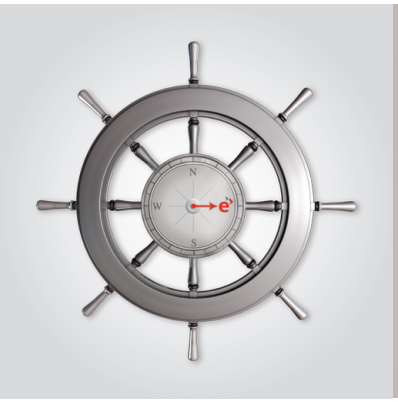
   Tuy nhiên, trong trường hợp các hoạt động đầu tư, kinh doanh nêu trên có phát sinh lợi nhuận phải hạch toán toàn bộ lợi nhuận cho Quỹ.

5. Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Quỹ có thể không phải đền bù cho những Nhà Đầu tư chịu thiệt hại ít hơn 100.000 đồng, nhưng toàn bộ phần thanh toán của Công ty Quản lý Quỹ phải được đưa vào Quỹ, trừ trường hợp Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ quyết định khác. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày điều chỉnh lại Giá trị Tài sản ròng, Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN về phương án đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư, Quỹ trong đó nêu rõ nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian Quỹ bị định giá sai, mức độ thiệt hại của các Nhà Đầu tư, mức độ thiệt hại của Quỹ, kèm theo danh sách các Nhà Đầu tư có quyền lợi bị ảnh hưởng đã được đền bù và mức đền bù của từng Nhà Đầu tư. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày báo cáo UBCKNN, Công ty Quản lý Quỹ phải bắt đầu tiến hành các thủ tục đền bù cho Nhà Đầu tư Quỹ.
6. Việc thanh toán các khoản đền bù cho Nhà Đầu tư, Quỹ quy định tại Điều này được thực hiện thông qua Ngân hàng Giám sát.
7. Công ty Quản lý Quỹ không có trách nhiệm hay nghĩa vụ đền bù cho Nhà Đầu tư hay Quỹ những tổn thất, thiệt hại, sự giảm giá trị của khoản đầu tư do thay đổi của thị trường chứng khoán, thị trường tài chính, nền kinh tế, diễn biến chính trị, quân sự, khủng bố hay những sai sót, vi phạm của bên thứ ba.

ĐIỀU 57. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ LỰA CHỌN, THAY ĐỔI TỔ CHỨC CUNG CẤP BÁO GIÁ

Tổ chức cung cấp báo giá của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Ban Đại diện Quỹ thông qua, và phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có năng lực phù hợp, hệ thống quản lý, nhân sự, kinh nghiệm và kỹ năng chuyên môn để cung cấp các báo giá đúng đắn;
2. Có năng lực phù hợp trong cơ cấu tổ chức, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;
3. Có đủ khả năng để đáp ứng các yêu cầu quy định có liên quan;
4. Có hệ thống kiểm soát an ninh và nội bộ, phạm vi công việc kiểm toán, báo cáo và giám sát môi trường;
5. Có năng lực tài chính và phạm vi bảo hiểm cần thiết; và
6. Không phải là Người có liên quan với Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.



CHƯƠNG XII
LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ



ĐIỀU 58. LỢI NHUẬN CỦA QUỸ

1. Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ này và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại Bản Cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Lợi nhuận của Quỹ chỉ được phân chia khi Quỹ đã hoàn thành đầy đủ, hoặc có đủ năng lực tài chính để thanh toán các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ này. Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
2. Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định về vấn đề này) hoặc được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch.
3. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu tư.
4. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau:
   a. Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ);
   b. Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
   c. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, số lượng Đơn vị Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ);
   d. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận; và
   e. Các ảnh hưởng tác động tới Giá trị Tài sản ròng của Quỹ.
5. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Đơn vị Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu tư và thời điểm chi trả thì Nhà Đầu tư chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

ĐIỀU 59. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm nhưng không giới hạn ở các phí và chi phí sau đây:
   a. Chi phí quản lý tài sản trả cho Công ty Quản lý Quỹ; chi phí lưu ký tài sản Quỹ; chi phí giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát.
   b. Chi phí dịch vụ quản trị Quỹ, chi phí dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.

c. Chi phí kiểm toán trả cho Công ty Kiểm toán.

d. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ.

e. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt, Báo cáo tài chính của Quỹ, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức Đại hội Nhà Đầu tư và cuộc họp Ban Đại diện Quỹ.

f. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.

2. Trong vòng 45 ngày kể từ ngày kết thúc các quý thứ hai và quý thứ tư của mỗi Năm Tài chính, Công ty Quản lý Quỹ sẽ công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ cũng như tỷ lệ của tốc độ vòng quay danh mục đầu tư của Quỹ trên website của Công ty Quản lý Quỹ và của Đại lý Phân phối sau khi các giá trụ này tin này đã Ngân hàng Giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác.

   a. Tỷ lệ chi phí hoạt động ("TLCPHĐ") của Quỹ được xác định theo công thức sau:

$$\textit{Tỷ lệ phí hoạt động (\%)} = \frac{\textit{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ x 100\%}}{\textit{Giá trị Tài sản ròng trung bình trong năm của Quỹ}}$$

   Trong trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định như sau:

$$\textit{TLCPHĐ (\%)} = \frac{\textit{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ x 365 x 100\%}}{\textit{Giá trị Tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo x Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

   b. Tốc độ vòng quay danh mục đầu tư ("TĐVQ") của Quỹ được xác định theo công thức sau đây:

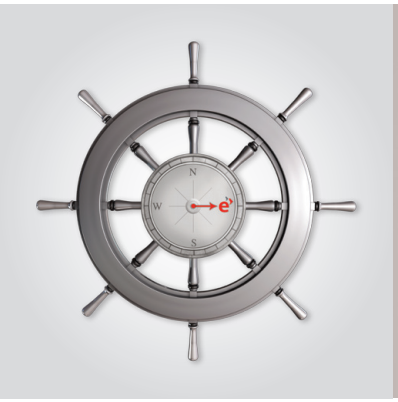
$$\textit{TĐVQ danh mục} = \frac{\textit{(Tổng giá trị mua trong kỳ + Tổng giá trị bán trong kỳ) x 100\%}}{\textit{2 x Giá trị Tài sản ròng trung bình trong năm}}$$

   Trong trường hợp Quỹ đã thành lập và hoạt động dưới một năm, tốc độc vòng quay danh mục đầu tư của Quỹ được tính theo công thức như sau:

$$\textit{TĐVQ danh mục} = \frac{\textit{(Tổng giá trị mua trong kỳ + Tổng giá trị bán trong kỳ) x 365 x 100\%}}{\textit{2 x Giá trị Tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo x số ngày Quỹ đã hoạt động}}$$

3. Chi phí môi giới, chi phí chuyển nhượng và các chi phí giao dịch khác liên quan đến giao dịch tài sản của Quỹ trả cho các công ty chứng khoán không bao gồm bất kỳ một loại chi phí nào khác, kể cả đó là chi phí phải trả cho các loại dịch vụ khác hoặc các chi phí phải trả cho các bên thứ ba (chi phí ngầm).

4. Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối chịu trách nhiệm chi trả các khoản chi phí cho việc in ấn, xuất bản và phân phối các ấn phẩm ngoài các chi phí đã liệt kê tại Khoản 1 của Điều này để quảng cáo và thông tin về các sản phẩm của Quỹ.



CHƯƠNG XIII
TÁI CƠ CẤU QUỸ



ĐIỀU 60. CÁC ĐIỀU KIỆN HỢP NHẤT, SÁP NHẬP

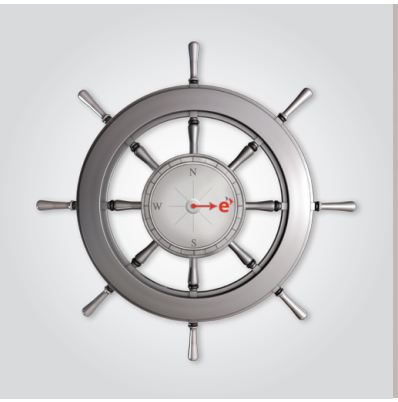
1. Việc hợp nhất hoặc sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất hoặc sáp nhập Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

ĐIỀU 61. CÁC ĐIỀU KIỆN TÁCH QUỸ

1. Việc tách Quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận và trong các trường hợp sau đây:
   a. Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ vào Ngày Định Giá mua lại Chứng chỉ Quỹ do UBCKNN quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
   b. Khi UBCKNN xét thấy cần thiết.
2. Việc tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

ĐIỀU 62. CÁC ĐIỀU KIỆN GIẢI THỂ QUỸ

1. Việc thanh lý và giải thể Quỹ phải được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
   a. Công ty Quản lý Quỹ bị giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại diện Quỹ không thể xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày phát sinh sự kiện;
   b. Ngân hàng Giám sát bị giải thể hoặc phá sản hoặc Hợp đồng Giám sát bị chấm dứt hoặc bị đơn phương chấm dứt bởi Công ty Quản lý Quỹ; hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của Ngân hàng Giám sát bị thu hồi mà Công ty Quản lý Quỹ không thể lựa chọn được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày phát sinh sự kiện;
   c. Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ hết hạn hoặc bị thu hồi;
   d. Đại hội Nhà Đầu tư quyết định giải thể Quỹ; và
   e. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ xuống dưới 10 tỷ đồng liên tục trong sáu (6) tháng.
2. Việc thanh lý và giải thể Quỹ được thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan và theo hướng dẫn của UBCKNN.

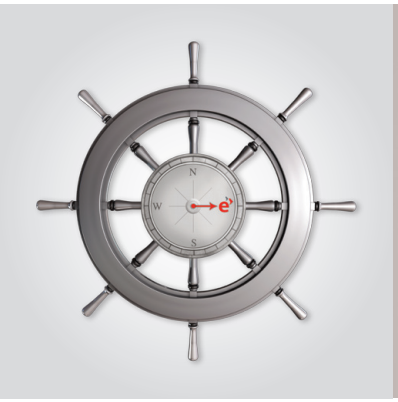


CHƯƠNG XIV
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

ĐIỀU 63. KIỂM SOÁT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH GIỮA QUỸ VÀ CÁC QUỸ KHÁC, CÁC KHÁCH HÀNG ĐẦU TƯ ỦY THÁC CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ GIỮA QUỸ VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Công ty Quản lý Quỹ phải:
   a. Tách biệt chiến lược đầu tư và mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ đầu tư do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
   b. Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các quỹ đầu tư khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý và tài sản của các Nhà Đầu tư ủy thác của Công ty Quản lý Quỹ và tách biệt tài sản của các quỹ với nhau do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý, kiểm soát viên khác, người hành nghề quản lý quỹ và các nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.
3. Công ty Quản lý Quỹ phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro, giám sát các xung đột về lợi ích có thể xảy ra.





CHƯƠNG XV
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ

ĐIỀU 64. CÔNG BỐ THÔNG TIN, CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ

1. Công ty Quản lý Quỹ định kỳ hàng tháng, hàng quý và hàng năm phải gửi cho mỗi Nhà Đầu tư thống kê giao dịch về Chứng chỉ Quỹ và số dư trên tài khoản, tiểu khoản và báo cáo về thay đổi Giá trị Tài sản ròng của Quỹ theo mẫu được quy định trong các quy định liên quan. Đối với các Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi thống kê giao dịch và số dư trên tiểu khoản cá nhân khi có yêu cầu bằng văn bản của Nhà Đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Nhà Đầu tư.
2. Công ty Quản lý Quỹ phải công bố cho Nhà Đầu tư biết hoặc cung cấp cho Nhà Đầu tư các nội dung sau đây:
   a. Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt;
   b. Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính thường niên của Quỹ;
   c. Các báo cáo hoạt động thường niên và bán niên của Quỹ, bao gồm các nội dung được quy định trong các quy định pháp luật liên quan;
   d. Các báo cáo thống kê bán niên và thường niên về lệ phí giao dịch theo các mẫu quy định trong các văn bản pháp luật liên quan; và
   e. Các báo cáo bán niên và thường niên về tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ theo mẫu quy định tại các quy định pháp luật liên quan.
3. Các tài liệu quy định tại Khoản 2 của Điều này phải được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu tư thông qua trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, hoặc gửi trực tiếp bằng đường bưu điện đến địa chỉ đăng ký của Nhà Đầu tư. Việc công bố các báo cáo bán niên phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc nửa năm tài chính. Việc công bố các báo cáo thường niên phải được thực hiện trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc Năm Tài chính. Nhà Đầu tư có thể từ chối bằng văn bản việc nhận các tài liệu được nêu tại Khoản 2 Điều này.
4. Khi nhận được yêu cầu từ Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải cung cấp cho Nhà Đầu tư quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản trị rủi ro và các biện pháp kiểm soát sử dụng để quản lý tài sản của Quỹ.

ĐIỀU 65. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ

Điều lệ Quỹ này chỉ được sửa đổi, bổ sung khi:

1. Theo đề nghị của Đại hội Nhà Đầu tư đã được thông qua bởi cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ với đa số ba phần tư (3/4) biểu quyết thông qua của Ban Đại diện Quỹ.
2. Khi được thông qua tại cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư với số phiếu thuận của các Nhà Đầu tư đại diện cho 65% tổng số Đơn vị Quỹ được nắm giữ bởi các Nhà Đầu tư tham dự hoặc đại diện.

ĐIỀU 66. ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ QUỸ

Điều lệ Quỹ này được soạn thảo theo các quy định pháp luật liên quan và được thông qua bằng hình thức chấp thuận bằng văn bản khi Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trong giai đoạn IPO.

Điều lệ Quỹ này có hiệu lực kể từ ngày Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ được ban hành.

Điều lệ Quỹ này được lập thành 10 bản gốc bằng tiếng Việt và 03 bản gốc bằng tiếng Anh, trong đó:

- 04 bản tiếng Việt được đăng ký tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- 02 bản tiếng Việt được lưu giữ tại trụ sở của Quỹ;
- 03 bản tiếng Anh và 03 bản tiếng Việt được lưu giữ tại trụ sở của Công ty Quản lý Quỹ;
- 01 bản được lưu giữ tại trụ sở của Ngân hàng Giám sát.

ĐIỀU 67. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam được chính thức hoạt động sau khi được UBCKNN cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để Quỹ đi vào hoạt động. Đính kèm cùng Điều lệ Quỹ các Phụ lục sau:

Phụ lục số 1.1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

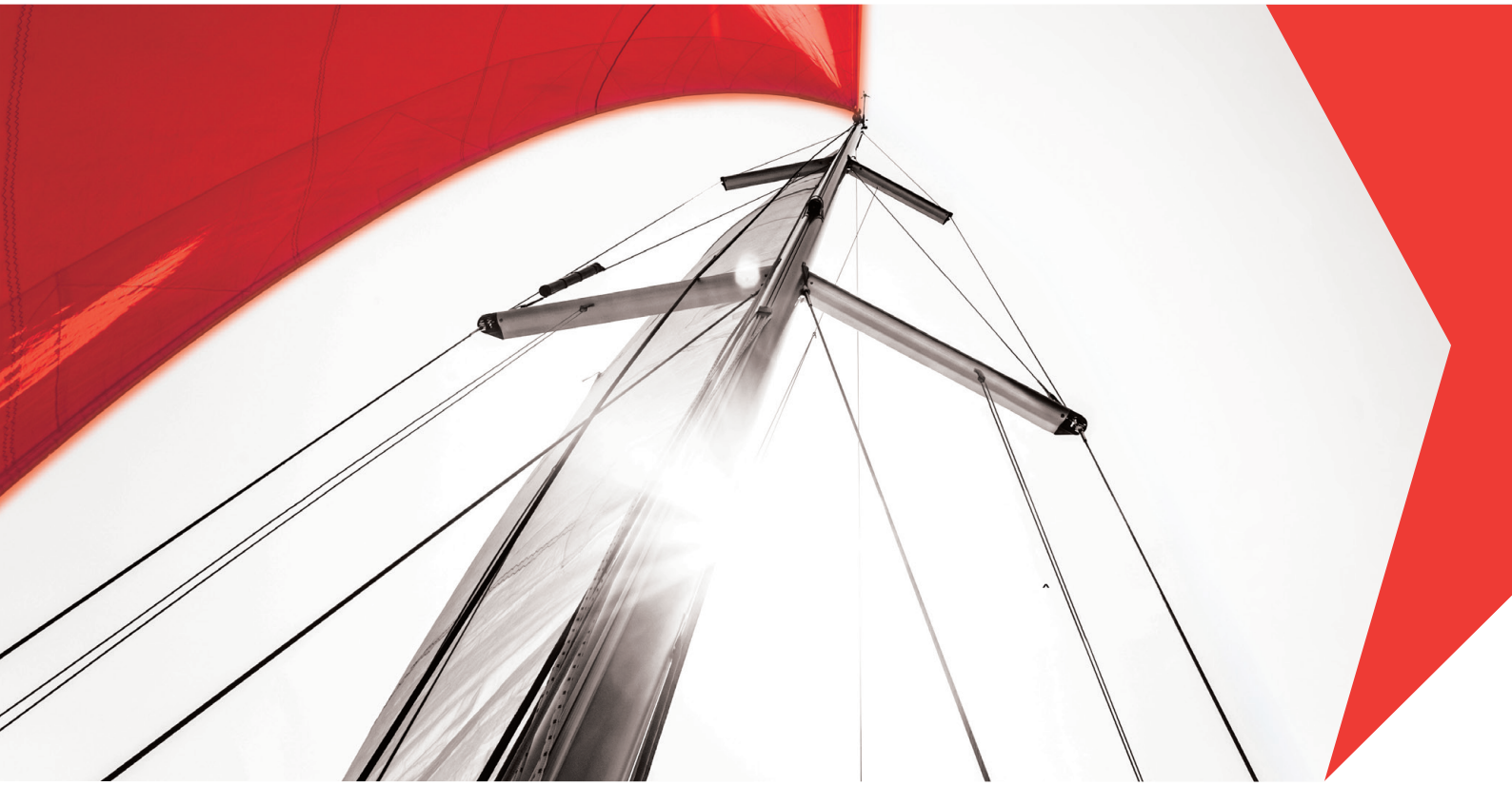
Phụ lục số 1.2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Phụ lục số 1.3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Phụ lục số 1.4: QUY TRÌNH GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Phụ lục số 1.5: PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN CỦA QUỸ

Phụ lục số 1.6: CÁC MỨC PHÍ



PHỤ LỤC 1.1
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

- Công ty Quản lý Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
- Số Giấy phép Thành lập và Hoạt động:
  - Giấy phép Hoạt động Quản lý Quỹ số 03/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 26/05/2005;
  - Quyết định bổ sung Giấy phép Quản lý Quỹ số 459/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13/08/2007;
  - Giấy phép Điều chỉnh số 17/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 23/07/2008;
  - Giấp phép Điều chỉnh số 27/UBCK-GPĐC do UBCKNN cấp ngày 20/11/2008;
  - Giấy phép Điều chỉnh số 67/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 15/04/2010;
  - Giấy phép Điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 09/12/2011;
  - Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 51/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/3/2012;
  - Giấy phép Điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/3/2013; và
  - Giấy phép Điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 12/09/2013.

  Trong thư cam kết này, các thuật ngữ viết hoa có nghĩa tương tự như được quy định tại Điều lệ Quỹ của Quỹ Đầu Tư Năng Động Eastspring Investments Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng Giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân hàng Giám sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng Giám sát các thông tin sau:
   a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư chính và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà Đầu tư nắm giữ;
   b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
   c. Bản đánh giá Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ; và
   d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản Cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty Quản lý Quỹ hoặc những Người có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty Quản lý Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu tư theo yêu cầu.

11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân hàng Giám sát đánh giá về hoạt động quản lý Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ cho các Nhà Đầu tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty Quản lý Quỹ hoặc Người Đại diện Công ty Quản lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểm nhầm cho Nhà Đầu tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để Công ty Kiểm toán của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư Quỹ theo quy định của pháp luật.

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ



Họ tên: Nguyễn Tuấn Thiên An (Nguyễn Tuấn Thiên Ân)
Chức vụ: Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật

PHỤ LỤC 1.2
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát: Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), Giấy phép hoạt động số: 235/GP-NHNN

Ngày và nơi cấp: cấp bởi Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam ngày 8 tháng 9 năm 2008

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 18/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 03 năm 2008 và Công văn số 2369/UBCK-QLKD về việc chấp thuận chuyển đổi Giấy chứng nhận hoạt động lưu ký cho Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 12 năm 2008.

Trong thư cam kết này, các điều khoản được định nghĩa có nghĩa tương tự như được quy định tại Điều lệ Quỹ ban đầu của Quỹ Đầu Tư Năng Động Eastspring Investments Việt Nam, Ngân hàng Giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng Giám sát, tài sản của Công ty Quản lý Quỹ và tài sản của các Quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn Vị Chứng chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý Quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc những Người có Liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán độc lập hàng năm.

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát

S.Q.Đ: 01-2010-Đ.T.N
PHÒNG NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
HSBC
(VIỆT NAM)
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Họ tên: Lê Thị Thành Tâm
Chức vụ: Giám đốc Dịch vụ Quản lý Quỹ,
Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán Việt Nam,
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

PHỤ LỤC 1.3
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- Công ty Quản lý Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
- Số Giấy phép thành lập và hoạt động:
  - Giấy phép Hoạt động Quản lý Quỹ số 03/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 26/05/2005;
  - Quyết định bổ sung Giấy phép Quản lý Quỹ số 459/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13/08/2007;
  - Giấy phép Điều chỉnh số 17/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 23/07/2008;
  - Giấp phép Điều chỉnh số 27/UBCK-GPĐC do UBCKNN cấp ngày 20/11/2008;
  - Giấy phép Điều chỉnh số 67/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 15/04/2010;
  - Giấy phép Điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 09/12/2011;
  - Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 51/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/3/2012;
  - Giấy phép Điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/3/2013; và
  - Giấy phép Điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 12/09/2013.
- Ngân hàng Giám sát: Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), Giấy phép hoạt động số: 235/GP-NHNN
- Ngày và nơi cấp: do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 8 tháng 9 năm 2008
- Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 18/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 03 năm 2008 và Công văn số 2369/UBCK-QLKD về việc chấp thuận chuyển đổi Giấy chứng nhận hoạt động lưu ký cho Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 12 năm 2008.

Trong thư cam kết này, các điều khoản được định nghĩa có nghĩa tương tự như được quy định tại Điều lệ Quỹ ban đầu của Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát cam kết với Quỹ như sau:

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà Đầu tư.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản Cáo bạch.

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ



Họ tên: Nguyễn Tuan Thên An (Nguyễn Tuấn Thiên Ân)
Chức vụ: Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát



Họ tên: Lê Thị Thành Tâm
Chức vụ: Giám đốc Dịch vụ Quản lý Quỹ,
Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán Việt Nam,
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

PHỤ LỤC 1.4: QUY TRÌNH GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

A - QUY TRÌNH MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

1.1 Nhà Đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ Quỹ phải đăng ký mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại Đại lý Phân phối được chỉ định bởi Công ty Quản lý Quỹ.

1.2 Nhà Đầu tư hoàn thiện hồ sơ mở tài khoản giao dịch.

a) Điền chính xác và đầy đủ thông tin theo mẫu Đơn đăng ký mở tài khoản của Công ty Quản lý Quỹ.

b) Cung cấp những chứng từ pháp lý hợp lệ theo quy định của Đại lý Phân phối hoặc/và Công ty Quản lý Quỹ và của pháp luật.

c) Danh sách các chứng từ pháp lý như liệt kê dưới đây (tùy trường hợp áp dụng):

NHÀ ĐẦU TƯ CÁ NHÂN	NHÀ ĐẦU TƯ TỔ CHỨC	CÔNG TY HỢP DANH	ĐẦU TƯ TÍN THÁC
a) Chứng từ pháp lý xác thực nhân thân được chấp nhận: - Bản sao chứng minh nhân dân còn hiệu lực hoặc/và - Bản sao hộ chiếu còn hiệu lực hoặc/và - Bản sao những giấy tờ khác kèm theo ảnh được cấp bởi cơ quan Nhà nước và được chấp thuận theo pháp luật quy định, ví dụ: bằng lái xe..; hoặc/và - Bản sao hộ khẩu b) Các chứng từ pháp lý khác: - Mã số giao dịch chứng khoán theo quy định về hoạt động của Nhà Đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành (nếu có); và - Những giấy tờ khác theo yêu cầu của Đại lý Phân phối hoặc/và Công ty Quản lý Quỹ nếu xét thấy là cần thiết	a) Chứng từ pháp lý xác thực tính chất pháp nhân của tổ chức được chấp nhận: - Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc/và - Bản sao giấy chứng nhận đầu tư hoặc/và - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh b) Chứng từ pháp lý khác: - Danh sách ban giám đốc điều hành. - Giấy ủy quyền của người được ủy quyền giao dịch. - Danh sách chữ ký mẫu của người được ủy quyền giao dịch. - Danh sách cổ đông/thành viên góp vốn sở hữu trên 10% cổ phần (nếu có). Trong trường hợp này, sẽ yêu cầu cung cấp bản sao các chứng từ pháp lý tại mục (a) nêu trên (đối với cả Nhà Đầu tư cá nhân và tổ chức) của cổ đông/thành viên góp vốn đó. - Mã số giao dịch chứng khoán theo quy định về hoạt động của Nhà Đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành (nếu có) - Những giấy tờ khác theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ hoặc các tổ chức khác có liên quan nếu xét thấy là cần thiết.	a) Các chứng từ tương tự như Nhà đầu tư tổ chức. b) Các chứng từ bổ sung sau đây: - Họ tên của tất cả các thành viên hợp danh và cá nhân có quyền kiểm soát hoạt động của công ty hợp danh - Họ tên của tất cả các cá nhân sở hữu từ 10% trở lên vốn/lợi nhuận/quyền biểu quyết của công ty - Danh sách người được ủy quyền giao dịch của công ty hợp danh (đối với công ty hợp danh nước ngoài) - Cơ quan quản lý (đối với công ty hợp danh nước ngoài) - Lĩnh vực hoạt động kinh doanh (đối với công ty hợp danh nước ngoài) - Giấy phép kinh doanh (đối với công ty hợp danh nước ngoài) - Giấy ủy quyền (về việc mở tài khoản và ủy nhiệm quản lý hoạt động) (đối với công ty hợp danh nước ngoài) - Bản sao thỏa thuận (hợp đồng thành lập) của thành viên hợp danh (đối với công ty hợp danh nước ngoài) - Xác nhận nguồn vốn đầu tư (áp dụng trường hợp thẩm định nâng cao - EDD) - Xác nhận nguồn vốn góp (áp dụng trường hợp thẩm định nâng cao - EDD) - Việc thanh toán giao dịch phải được thực hiện qua tài khoản đứng tên chính khách hàng mở tại tổ chức tài chính ở quốc gia thuộc FATF (đối với công ty hợp danh nước ngoài và áp dụng trường hợp thẩm định nâng cao - EDD) - Hồ sơ theo dõi hoạt động và quan hệ kinh doanh cho việc giao dịch và quản lý tài khoản (đối với công ty hợp danh nước ngoài và áp dụng trường hợp thẩm định nâng cao - EDD)	a) Vì đầu tư ủy thác không tồn tại ở Việt Nam, mục này chỉ áp dụng đối với nhà đầu tư là tổ chức đầu tư tín thác nước ngoài. b) Các chứng từ tương tự như Nhà đầu tư tổ chức. c) Các chứng từ bổ sung sau đây: - Tên của tổ chức đầu tư tín thác nước ngoài - Ngày thành lập - Lãnh thổ/quốc gia - Mã số xác minh (nếu có) do cơ quan nhà nước có thẩm cấp ví dụ mã số thuế - Thông tin xác minh của các người thanh toán, nhà đầu tư tín thác hay người kiểm soát cuối cùng có thẩm quyền bãi nhiệm nhà đầu tư tín thác hay người thụ hưởng - Bản sao Thỏa thuận Tín thác (Hợp đồng thành lập) - Chứng từ xác minh việc chỉ định nhà đầu tư tín thác - Chứng từ xác thực nhân thân của các cá nhân liên quan (nhà đầu tư tín thác, người thanh toán, người bảo hộ, người thụ hưởng, vv).

1.3 Nhà Đầu Tư có quyền mở nhiều tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại các Đại lý Phân phối khác nhau được chỉ định bởi Công ty Quản lý Quỹ. Tại mỗi một Đại lý Phân phối, Nhà Đầu Tư chỉ được mở một tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

Nhà Đầu tư nên tham khảo và tuân thủ theo những quy định của mỗi Đại lý Phân phối khi đăng ký giao dịch tại một Đại lý Phân phối mới.

1.4 Dựa trên chức năng hoạt động của Đại lý Phân phối, tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ được mở và phân biệt như sau:

a) Tài khoản của Nhà Đầu tư mở tại Đại lý Phân phối, đứng tên chủ sở hữu là Nhà Đầu tư.

b) Tài khoản ký danh mở tại Đại lý Ký danh, thuộc sở hữu của Nhà Đầu tư tại Sổ Phụ, đứng tên là Đại lý Ký danh.

1.5 Đại lý Phân phối phải thực hiện quy trình nhận biết thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật và thông báo xác nhận việc mở tài khoản giao dịch cho Nhà Đầu tư tại Đại lý chuyển nhượng.

1.6 Đại lý Phân phối phải lưu trữ các hồ sơ đăng ký của Nhà Đầu tư theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

B - QUY TRÌNH GIAO DỊCH MUA BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU

1. Giá phát hành lần đầu và thời gian phát hành lần đầu:

1.1 Sau khi UBCKNN cấp Giấy Chứng nhận Chào bán Chứng chỉ Quỹ, Chứng chỉ Quỹ được chào bán trong đợt phát hành lần đầu.

1.2 Giá phát hành lần đầu: 10.000 đồng/Chứng chỉ Quỹ cộng với Phí phát hành được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch.

1.3 Giá trị mua tối thiểu: được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch.

1.4 Đơn vị tiền tệ mua Chứng chỉ Quỹ: Đồng Việt Nam.

1.5 Thời gian chào bán: Tối thiểu sau hai mươi (20) ngày và tối đa là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Giấy Chứng nhận Chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực.

1.6 Công ty Quản lý Quỹ có thể kết thúc đợt chào bán Chứng chỉ Quỹ phát hành lần đầu trước thời hạn nêu thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Tổng giá trị vốn huy động lớn hơn 50 tỷ đồng.

b) Sau thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận Chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực.

c) Có ít nhất 100 Nhà Đầu tư không kể Nhà Đầu tư chuyên nghiệp.

2. Phương thức phân phối Chứng chỉ Quỹ phát hành lần đầu

2.1 Nhà Đầu tư có thể đăng ký giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ phát hành lần đầu trong thời gian chào bán với các hình thức: giao dịch tại quầy, giao dịch qua mạng điện thoại, giao dịch qua hệ thống điện tử hoặc các hình thức khác theo chính sách của Đại lý Phân phối tại từng thời kỳ phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật.

2.2 Công ty Quản lý Quỹ hoàn thành việc phân phối Chứng chỉ Quỹ trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng có hiệu lực. Trường hợp không thể hoàn thành việc phân phối Chứng chỉ Quỹ trong thời hạn này, Công ty Quản lý Quỹ được đề nghị UBCKNN xem xét gia hạn việc phân phối Chứng chỉ Quỹ.

3. Phương thức và hình thức thanh toán

3.1 Nhà Đầu tư thực hiện thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ lần đầu theo thời hạn quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch nhưng không trễ hơn thời gian kết thúc đợt phát hành lần đầu (IPO).

3.2 Việc thanh toán phải được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản tiền của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát, tài khoản này được phong tỏa cho tới khi kết thúc đợt phát hành lần đầu thành công và Quỹ được cấp Chứng nhận Thành lập Quỹ.

4. Thời hạn xác nhận quyền sở hữu:

Trong thời hạn theo quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch Công ty Quản lý Quỹ hoặc Đại lý Chuyển nhượng được chỉ định, phải lập và quản lý Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư chính (Sổ chính) và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư.

C - QUY TRÌNH GIAO DỊCH MUA BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ TIẾP THEO

1. Phương thức đặt lệnh giao dịch mua bán Chứng chỉ Quỹ

1.1 Nhà Đầu tư có thể đăng ký giao dịch mua bán Chứng chỉ Quỹ với các hình thức: giao dịch tại quầy, giao dịch qua mạng điện thoại, giao dịch qua hệ thống điện tử hoặc các hình thức khác theo chính sách của Đại lý Phân phối tại từng thời kỳ phù hợp và tuân thủ theo quy định của pháp luật

1.2 Lệnh đặt mua bán Chứng chỉ Quỹ phải được thực hiện trước thời điểm đóng sổ lệnh.

2. Thời điểm đóng sổ lệnh:

Thời điểm đóng sổ lệnh là 10 giờ 30 sáng, một ngày trước Ngày Giao dịch (ngày T-1). Các lệnh đặt mua bán Chứng chỉ Quỹ được nhận sau Thời điểm đóng sổ lệnh được xem như không hợp lệ và không được chấp thuận bởi Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối.

3. Quy định chung về khối lượng giao dịch tối thiểu:

Các quy định chung về khối lượng giao dịch tối thiểu được nêu chi tiết tại Bản Cáo bạch và Bản Cáo bạch tóm tắt. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có quyền thay đổi mức giao dịch tối thiểu bất cứ lúc nào sau khi thực hiện việc công bố thay đổi thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

4. Giá giao dịch

4.1 Giá giao dịch mua hoặc bán Chứng chỉ Quỹ là Giá trị Tài sản ròng của một Chứng chỉ Quỹ được xác định tại Ngày Giao dịch cộng phí giao dịch (nếu có), nghĩa là Giá Giao dịch chưa được xác định tại thời điểm đặt lệnh. Nếu T-1 là ngày lễ thì thời điểm đóng sổ lệnh là 10:30 sáng của ngày làm việc trước Ngày Giao dịch.

Ví dụ: Nhà Đầu tư nộp phiếu lệnh mua Chứng chỉ Quỹ trước 10 giờ 30 sáng ngày thứ Năm (T-1), Giá trị Tài sản ròng của Quỹ được định giá vào ngày thứ Sáu (T).

4.2 Giá trị Tài sản ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ www.eastspringinvestments.com.vn và các Đại lý Phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Phương thức thanh toán tiền đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ

5.1 Số tiền mua Chứng chỉ Quỹ sẽ được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản tiền của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát từ tài khoản của Nhà Đầu tư hoặc tài khoản được chỉ định và ủy quyền bởi Nhà Đầu tư, trước thời điểm đóng sổ lệnh được quy định tại Bản Cáo bạch.

5.2 Trong trường hợp Nhà Đầu tư nước ngoài, số tiền mua Chứng chỉ Quỹ phải được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản tiền của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát từ tài khoản kinh doanh chứng khoán của chính Nhà Đầu tư mở tại Đại lý Phân phối hoặc tài khoản "Góp vốn, mua cổ phần" mở theo quy định của Ngân hàng nhà nước, trước thời điểm đóng sổ lệnh được quy định tại Bản Cáo bạch.

5.3 Trường hợp Nhà Đầu tư giao dịch với Đại lý Ký danh, Nhà Đầu tư phải thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản thanh toán tiền giao dịch của Đại lý Ký danh mở tại Ngân hàng Giám sát theo các hình thức thanh toán do Đại lý Ký danh quy định. Sau đó, Đại lý Ký danh

thanh toán chuyển khoản tiền giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư vào tài khoản của Quỹ trên cơ sở chênh lệch giữa tổng lệnh bán và lệnh mua theo báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ hoặc/và Đại lý Chuyển nhượng.

6. Quy trình phân bổ Chứng chỉ quỹ

6.1 Số lượng Chứng chỉ Quỹ Nhà Đầu tư mua được xác định bằng cách lấy số tiền đặt mua đã thanh toán trừ chi phí phát hành (nếu có) chia cho Giá trị Tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ.

Ví dụ: Khi mua Chứng chỉ Quỹ, Nhà Đầu tư trả một số tiền nhất định (ví dụ 10 triệu đồng Việt Nam) và mua được số lượng Chứng chỉ Quỹ (được tự động làm tròn xuống ở số thập phân số hai) bằng 10 triệu đồng trừ chi phí phát hành và chia cho Giá trị Tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ (được tự động làm tròn tới đơn vị đồng).

- Số tiền đặt mua: 10.000.000 VNĐ
- Phí Phát hành (1% giá trị đặt mua): 10.000.000 x 1% = 100.000 VNĐ
- Giá trị Tài sản ròng trên một Chứng chỉ: 10.000 VNĐ
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ được phát hành: (10.000.000 – 100.000) / 10.000 = 990

Lưu ý: Ví dụ trên chỉ mang tính giả thuyết và chỉ đơn thuần phục vụ cho mục đích minh họa và không có ý nghĩa hoặc không được cho là có ý nghĩa thực về giá trị giao dịch hay giá phí phát hành. Nhà Đầu tư nên tham khảo các quy định pháp luật có liên quan để có thông tin chính xác.

6.2 Việc phân bổ và ghi nhận sở hữu số lượng Chứng chỉ Quỹ Nhà Đầu tư đặt mua được thực hiện bởi Đại lý Chuyển nhượng.

7. Quy trình xác định số tiền bán Chứng chỉ Quỹ

Số tiền Nhà Đầu tư nhận được xác định bằng cách lấy số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán nhân cho Giá trị Tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ và trừ thuế và chi phí giao dịch, chi phí chuyển tiền (nếu có) ,

Ví dụ: Khi bán Chứng chỉ Quỹ, Nhà Đầu tư đặt bán một số lượng nhất định hoặc toàn bộ, có thể là số lẻ tính đến số thập phân thứ hai (ví dụ 950,55 chứng chỉ quỹ) và số tiền Nhà Đầu tư nhận được bằng 950,55 Chứng chỉ Quỹ nhân cho Giá trị Tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ trừ chi phí giao dịch (nếu có).

Số lượng Chứng chỉ quỹ đặt bán: 950,55

Giá trị Tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ: 10.000

Giá trị bán: 950,55 x 10.000 = 9.505.500

Phí mua lại: 0%

Số tiền thanh toán: 9.505.500 đồng

Lưu ý: Ví dụ trên chỉ mang tính giả thuyết và chỉ đơn thuần phục vụ cho mục đích minh họa và không có ý nghĩa hoặc không được cho là có ý nghĩa thực về giá trị giao dịch hay giá phí phát hành. Nhà Đầu tư nên tham khảo các quy định pháp luật có liên quan để có thông tin chính xác.

8. Thời hạn xác nhận giao dịch:

Thông tin về kết quả giao dịch được Đại lý Phân phối gửi tới cho Nhà Đầu tư trong vòng ba (03) ngày làm việc, kể từ Ngày Giao dịch (T+3) bằng email hoặc các hình thức khác theo quy định của Đại lý Phân phối.

9. Thời gian thanh toán tiền cho Các Nhà Đầu tư:

9.1 Trừ trường hợp giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông qua Đại lý Ký danh, số tiền thanh toán cho Nhà Đầu tư được chuyển khoản vào tài khoản của Nhà Đầu tư trong thời hạn bốn (04) ngày kể từ Ngày Giao dịch (T+4).

9.2 Trong trường hợp Nhà Đầu tư giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại Đại lý Ký danh, số tiền thanh toán cho Nhà Đầu tư được chi trả theo quy định của Đại lý Ký danh trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày nhận được thanh toán từ Quỹ (vào tài khoản Đại lý Ký danh), nhưng không quá bảy (07) ngày kể từ Ngày Giao dịch.

9.3 Trong trường hợp Nhà Đầu tư nước ngoài thuộc diện phải mở tài khoản "Góp vốn, mua của phần", số tiền thanh toán được chuyển khoản vào tài khoản "Góp vốn, mua của phần" theo quy định của Ngân hàng nhà nước.

9.4 Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng mua lại một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi và áp dụng thanh toán theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ theo quy định chi tiết tại Điều lệ Quỹ này.

10. Hủy lệnh giao dịch mua bán Chứng chỉ Quỹ

10.1 Nhà Đầu tư có quyền hủy bỏ giao dịch mua hoặc bán Chứng chỉ Quỹ trước Thời điểm đóng sổ lệnh.

10.2 Lệnh giao dịch mua hoặc bán Chứng chỉ Quỹ bị hủy bỏ trong những trường hợp sau:

a) Số tiền thanh toán không được thanh toán chuyển khoản cho Quỹ theo đúng thời gian quy định tại Bản Cáo bạch.

b) Số tiền thanh toán được thanh toán chuyển khoản không phải từ tài khoản đứng tên Nhà Đầu tư hoặc Đại diện ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Số tiền thanh toán ít hơn giá trị thanh toán của lệnh đăng ký mua.

d) Các giao dịch không hợp lệ, không đủ điều kiện hoặc không phù hợp với các quy định pháp luật và/hoặc Điều lệ Quỹ này và/hoặc Bản Cáo bạch.

10.3 Trong trường hợp lệnh giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ bị hủy bỏ theo Điểm b, c của Khoản 10.2 nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ hoàn trả lại số tiền thanh toán trong vòng 3 ngày kể từ Ngày Giao dịch (T+3). Số tiền hoàn trả lại được xác định bằng số tiền Nhà Đầu tư đã thanh toán trừ chi phí phát sinh liên quan, theo quy định như sau:

a) Chi phí ngân hàng liên quan đến việc chuyển khoản (nếu có)

b) Chi phí hành chính (nếu có) theo quy định tại Bản Cáo bạch.

D - QUY TRÌNH CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA CÁC QUỸ

1. Nhà Đầu tư được phép chuyển đổi một phần hay toàn bộ Chứng chỉ Quỹ giữa các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại cùng Đại lý Chuyển nhượng.
2. Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau:
   a) Lệnh bán Chứng chỉ Quỹ được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua Chứng chỉ Quỹ của Quỹ Mục tiêu.
   b) Nhà Đầu tư phải gửi giấy đăng ký chuyển đổi tới các Đại lý Phân phối Chứng chỉ Quỹ được chỉ định bởi Công ty Quản lý Quỹ trước thời điểm đóng sổ lệnh của Quỹ Bán.
   c) Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ của Quỹ Mục tiêu được thực hiện tại ngày giao dịch của Quỹ Mục Tiêu (có thể cùng ngày hoặc khác ngày giao dịch của Quỹ Bán).
   d) Nhà Đầu tư chỉ phải thanh toán phí chuyển đổi (nếu có) theo quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch và Bản Cáo bạch tóm tắt, không phải thanh toán phí mua, phí bán đối với các lệnh thực hiện theo quy định tại Điểm a,b,c Khoản này.

3. Ngoài ra, lệnh chuyển đổi chỉ được thực hiện khi thỏa mãn các điều kiện sau:
   a) Lệnh chuyển đổi không làm số dư đơn vị Quỹ của Quỹ Bán thấp hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ duy trì tối thiểu.
   b) Lệnh bán phải thỏa mãn điều kiện số lượng giao dịch bán tối thiểu và số lượng duy trì tối thiểu được quy định của Quỹ Bán và Lệnh mua phải thỏa mãn điều kiện giá trị giao dịch mua tối thiểu của Quỹ Mục tiêu.
4. Công ty Quản lý Quỹ có quyền áp dụng những quy định khác đối với lệnh chuyển đổi theo quy định tại Bản Cáo bạch.

E - QUY TRÌNH THAY ĐỔI THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà Đầu tư có trách nhiệm thông báo và cập nhập cho Công ty Quản lý Quỹ và các Đại lý Phân phối về những thay đổi thông tin cá nhân, thông tin tài khoản ngân hàng, thông tin người được ủy quyền v.v. (nhưng vẫn đảm bảo Nhà Đầu tư là chủ tài khoản và là người thụ hưởng).
2. Việc thông báo được thực hiện theo các bước sau:
   a) Điền chính xác và đầy đủ thông tin theo mẫu Đơn đăng ký thay đổi thông tin cá nhân của Công ty Quản lý Quỹ.
   b) Cung cấp những chứng từ hợp lệ theo quy định nhằm chứng thực việc thay đổi (nếu có).
3. Đại lý Phân phối phối hợp thực hiện việc thay đổi thông tin Nhà Đầu tư thông qua Đại lý Chuyển nhượng và xác nhận trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu và hồ sơ hợp lệ.

F - QUY TRÌNH CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà Đầu tư có quyền chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ theo quy định biếu, tặng, cho hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
2. Nhà Đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định của pháp luật, Công ty Quản lý Quỹ hoặc/và Đại lý Phân phối.
3. Hồ sơ đăng ký chuyển quyền sở hữu bao gồm:
   - Giấy đăng ký chuyển quyền sở hữu.
   - Các chứng từ pháp lý xác thực tư cách pháp nhân của Nhà Đầu tư
   - Các chứng từ pháp lý xác thực quyền chuyển đổi của Nhà Đầu tư
     - Hợp đồng công chứng biếu, tặng, cho theo đúng quy định của pháp luật; hoặc
     - Hợp đồng công chứng di chúc, quyền thừa kế hay quyết định của tòa án về quyền thừa kế.
   - Những giấy tờ khác theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ hoặc các tổ chức khác có liên quan nếu xét thấy cần thiết.
4. Đại lý Phân phối phối hợp thực hiện việc chuyển nhượng quyền sở hữu thông qua Đại lý Chuyển nhượng.
5. Giấy/thông tin xác nhận giao dịch được Đại lý Phân phối gửi tới cho Nhà Đầu tư bằng email hoặc các hình thức thông tin khác theo quy định của Đại lý Phân phối trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ (T+3).

PHỤ LỤC 1.5: PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN CỦA QUỸ

A- CƠ SỞ PHÁP LÝ

Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 cùa Bộ Tài Chính quy định chi tiết và hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở.

B- MỤC TIÊU

Mục tiêu của phương pháp định giá này là nhằm đảm bảo giá trị tài sản của Quỹ được định giá một cách chính xác tại bất kì thời điểm nào;

- Đảm bảo tính công bằng cho Nhà Đầu tư và những người có liên quan, và
- Hướng dẫn Công ty Quản lý Quỹ trong việc thực hiện báo cáo tài chính và thi hành đầy đủ những quy chế ban hành của Quỹ.

Phương pháp này được xây dựng nhằm cung cấp những nguyên tắc chung cho quy trình định giá đầu tư của Quỹ, là cốt lõi của chiến lược đầu tư và điều hành và là một trong những điểm quan trọng của quy trình quản trị Quỹ và Báo cáo tài chính. Phương pháp này đề cập tới những phương thức liên quan đến vấn đề định giá như: chỉ thị định giá, thời điểm định giá và phạm vi điều chỉnh định giá khi cần thiết.

Ngoài ra, phương pháp này đề ra những hướng dẫn cho những trường hợp định giá đặc biệt của những tài sản không niêm yết (ví dụ như việc thay đổi thời điểm định giá)

C- HIỆU LỰC

Phương pháp định giá này có hiệu lực ngay sau khi Ban Đại diện Quỹ và Ban Định giá nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận và được áp dụng.

D- PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ

1. Tiền, các khoản tương đương tiền và các công cụ thị trường tiền tệ:

   1.1 Tiền Đồng Việt Nam:

   Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định giá.

   1.2 Ngoại tệ:

   Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá

   1.3 Tiền gửi kỳ hạn: Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định giá

   1.4 Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu: Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định giá

2. Trái phiếu

   2.1 Trái phiếu niêm yết.

   2.1.1 Giá yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế, giá yết này phải là giá giao dịch chính thức (giá outright) tại Sở Giao dịch chứng khoán; Trong trường hợp trái phiếu niêm yết không

có giá giao dịch chính thức (giá outright) tại Sở Giao dịch chứng khoán nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, giá trái phiếu niêm yết là giá đóng cửa được định giá và cung cấp bởi các công ty dịch vụ cung cấp giá độc lập, uy tín trên thị trường theo thứ tự ưu tiên: Data Interactive, Reuters, Bloomberg.

2.1.2 Trong trường hợp không có báo giá trị trường vì những lý do khác nhau như sau, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Trái phiếu bị tạm ngừng giao dịch trên sàn giao dịch.
- Những vấn đề khó khăn trong hoạt động cung cấp giá của các công ty dịch vụ cung cấp giá.
- Trái phiếu không có giao dịch thường xuyên.

Giá trị của trái phiếu niêm yết được xác định theo các thứ tự ưu tiên như sau:

i) Giá cuối cùng có sẵn (giá cũ) và theo quy định tại điểm F 2.2 về Quy tắc Kiểm soát giá; hoặc

ii) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc

iii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

2.2 Trái phiếu không niêm yết

2.2.1 Giá trái phiếu không niêm yết là giá đóng cửa được định giá và cung cấp bởi các công ty dịch vụ cung cấp giá uy tín trên thị trường theo thứ tự ưu tiên: Data Interactive, Reuters or Bloomberg.

Trong trường hợp không có báo giá thị trường như đã nêu tại khoản D 2.1.2, giá của trái phiếu không niêm yết được xác định theo các thứ tự ưu tiên như sau:

i) Giá cuối cùng có sẵn (giá cũ) và theo quy định tại điểm F 2.2 về Quy tắc Kiểm soát giá; hoặc

ii) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc

iii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

3. Cổ phiếu

3.1 Cổ phiếu niêm yết:

3.1.1 Cổ phiếu niêm yết được nêu bao gồm cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom.

3.1.2 Giá các cổ phiếu niêm yết được xác định là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

3.1.3 Trong trường hợp không có báo giá trị trường vì những lý do khác nhau như sau, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Cổ phiếu bị tạm ngừng giao dịch trên sàn giao dịch.
- Những vấn đề khó khăn trong hoạt động cung cấp giá của các công ty dịch vụ cung cấp giá.
- Cổ phiếu không có giao dịch thường xuyên.

Giá của cổ phiếu niêm yết được xác định theo các thứ tự ưu tiên như sau:

i) Giá cuối cùng có sẵn (giá cũ) và theo quy định tại điểm F 2.2 về Quy tắc Kiểm soát giá; hoặc

ii) Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán; hoặc

iii) Giá mua.

3.2 Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch

3.2.1 Công ty Quản lý Quỹ được quyền chỉ định năm (05) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát để cung cấp giá cho mỗi lần định giá.

3.2.2 Danh sách công ty chứng khoán được chỉ định, tuy nhiên Công ty Quản lý Quỹ có quyền thay đổi chỉ định theo từng thời điểm, bao gồm như sau:

	Công ty chứng khoán *
Danh sách ưu tiên số 1	*[Công ty số 1]*
	[Công ty số 2]
	[Công ty số 3]
Danh sách ưu tiên số 2	*[Công ty số 4]*
	[Công ty số 5]

• *Thông tin danh sách các công ty chứng khoán được nêu chi tiết tại sổ tay định giá của Quỹ được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt*

3.2.3 Giá các cổ phiếu chưa niêm yết được xác định dựa trên giá trung bình cung cấp bởi ba (03) công ty chứng khoán, và phải đáp ứng các điều kiện sau:

i) Giá được báo là giá giao dịch tại các công ty chứng khoán, hoặc

ii) Giá được báo là giá chào mua nếu các cổ phiếu chưa niêm yết không có giá giao dịch; và

iii) Giá được báo không được cũ hơn quá 3 tháng tính tới ngày định giá

3.2.4 Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ nhận báo giá từ tất cả các công ty chứng khoán, Công ty Quản lý Quỹ ưu tiên sử dụng báo giá của 3 công ty chứng khoán trong danh sách ưu tiên số 1.

3.2.5 Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ nhận được báo giá từ 2 công ty nằm trong danh sách ưu tiên số 1 hoặc ít hơn, thì báo giá thứ ba được Công ty Quản lý Quỹ sử dụng là báo giá thấp hơn giữa báo giá của các công ty chứng khoán khác trong danh sách ưu tiên số 2.

3.2.6 Trong các trường hợp khác khi Công ty Quản lý Quỹ không có đủ báo giá hợp lệ của tối thiểu 3 công ty chứng khoán trong một ngày định giá nào đó cho một cổ phiếu chưa niêm yết nhất định, thì cổ phiếu này được định giá theo thứ tự ưu tiên như sau:

i) Ưu tiên sử dụng các báo giá của kì báo cáo gần nhất của các công ty chứng khoán trong danh sách ưu tiên số 1, và/hoặc sử dụng báo giá thứ tư và thứ năm của các công ty chứng khoán trong danh sách ưu tiên số 2, nếu xét thấy cần thiết.

ii) bất kỳ phương pháp định giá phù hợp khác được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt dựa trên đề xuất của Ban Định giá nội bộ.

4. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản

Giá trị cổ phiếu của các tổ chức trong tình trạng giải thể hay phá sản được xác định như sau:

4.1 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc

4.2 Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt dựa trên đề xuất của Ban định giá nội bộ.

5. Cổ phần và phần góp vốn khác

   Giá trị của các cổ phần và phần góp vốn khác được xác định như sau:

   5.1 Giá trị vốn góp; hoặc

   5.2 Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán; hoặc

   5.3 Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt dựa trên đề xuất của Ban Định giá nội bộ.

6. Các tài sản khác được phép đầu tư

   Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt dựa trên đề xuất của Ban Định giá nội bộ.

E- ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH GIÁ TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT HOẶC KHI THANH LÝ TÀI SẢN

1. Trong các trường hợp nhất định, Ban Định giá nội bộ có thể quyết định trì hoãn, tiến hành trước hoặc thay đổi thời điểm định giá cho từng hoặc các loại tài sản cụ thể nhằm đảm bảo quyền lợi của các Nhà Đầu tư
2. Có những sự kiện dẫn tới việc định giá tài sản không còn hiệu lực hoặc phù hợp, ví dụ như những sự kiện sau, bao gồm nhưng không giới hạn:
   - Những thay đổi về quy chế hay chính sách nhà nước ảnh hưởng tới giá trị của tài sản.
   - Những thay đổi trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
   - Trường hợp phá sản.
3. Nếu một phương pháp định giá tài sản được xét là không phù hợp với thông lệ Việt Nam hoặc quốc tế, Ban Định giá nội bộ có thể áp dụng việc điều chỉnh định giá dựa theo phương pháp hướng dẫn của người định giá độc lập.
4. Trong bất kì trường hợp nào, Ban Định giá nội bộ luôn tuân thủ và bảo đảm quyền lợi của các Nhà Đầu tư, với sự cân nhắc và suy xét những thiệt hại ảnh hưởng chung đối Nhà Đầu tư và những Người có Liên quan.

F- QUY TẮC KIỂM SOÁT GIÁ

1. Công ty Quản lý Quỹ, các tổ chức cung cấp giá có liên quan và/hoặc các tổ chức cung cấp kế toán Quỹ phải đảm bảo việc định giá các tài sản tuân theo các phương pháp định giá nêu tại mục C.
2. Ngoài ra, biến đổi giá trị tài sản phải được theo dõi và kiểm soát hàng ngày hoặc theo kỳ quy định khi ghi nhận giá trị tài sản vào sổ sách hay hệ thống.

   2.1 Trong trường hợp giá trị tài sản có biến đổi nhiều hơn giới hạn quy định sau:
   - Cổ phiếu niêm yết: +/- 10%
   - Cổ phiếu chưa niêm yết: +/- 5%
   - Trái phiếu:+/- 2%
   - Các loại tài sản khác (nếu có): 10%

   Nếu xét thấy cần thiết, báo cáo về việc biến đổi giá kèm theo những giải trình chi tiết phải được Ban Định giá nội bộ xem xét và chấp thuận.

   2.2 Trong trường hợp giá trị tài sản không biến đổi nhiều hơn ba (03) tháng do việc định giá được xác định bằng phương pháp sử dụng giá cũ (giá cuối cùng có sẵn), Ban Định giá nội bộ xem xét và xác định phương pháp phù hợp nhất để định giá tài sản này tuân theo quy định của pháp luật.

G- NGUYÊN TẮC ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ

Thông qua việc chấp thuận Điều lệ Quỹ, Nhà Đầu tư đồng ý thừa ủy quyền và chấp thuận phương pháp định giá này có thể được điều chỉnh và thay đổi bởi Ban Định giá nội bộ và được chấp thuận bởi Ban đại diện Quỹ trong các trường hợp sau khi xét thấy cần thiết, bao gồm nhưng không hạn chế:

- Phương pháp định giá không được cập nhật;
- Có những thay đổi về chiến lược đầu tư của Quỹ;
- Có những thay đổi về các quy định của pháp luật hoặc thông lệ quốc tế;
- Có những thay đổi về nhà cung cấp dịch vụ có liên quan; hoặc
- Có lý do tin rằng phương pháp này đã hoặc không đảm bảo việc quản trị rủi ro trong quá trình định giá.

PHỤ LỤC 1.6: CÁC MỨC PHÍ

1. Mức phí

a) Phí quản lý tài sản trả cho Công ty Quản lý Quỹ:

- Phí quản lý thường niên	1,5% Giá trị Tài sản ròng của Quỹ

b) Phí lưu ký trả cho Ngân hàng Giám sát:

Giá trị Quỹ	Mức phí (dựa trên Giá trị Tài sản ròng của Quỹ)
- Dưới VND 600 tỷ	0,06% hàng năm
- Từ VND 600 tỷ đến VND 1 nghìn tỷ	0,0525% hàng năm
- Trên VND 1 nghìn tỷ	0,045% hàng năm
- Phí giao dịch chứng khoán (RVP, DVP, RFP, DFP)	150.000 đồng / giao dịch

c) Phí Giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát:

Giá trị Quỹ	Mức phí (dựa trên Giá trị Tài sản ròng của Quỹ)
- Dưới VND 600 tỷ	0,02% hàng năm
- Từ VND 600 tỷ đến VND 1 nghìn tỷ	0,0175% hàng năm
- Trên VND 1 nghìn tỷ	0,015% hàng năm
- Các trường hợp yêu cầu đặc biệt	10.000.000 đồng/ yêu cầu

d) Phí dịch vụ quản trị Quỹ trả cho Đại lý Chuyển nhượng:

Giá trị Quỹ	Mức phí (dựa trên Giá trị Tài sản ròng của Quỹ)
- Dưới VND 600 tỷ	0,035% hàng năm
- Từ VND 600 tỷ đến VND 1 nghìn tỷ	0,0275% hàng năm
- Trên VND 1 nghìn tỷ	0,02% hàng năm

e) Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng trả cho Đại lý Chuyển nhượng:

Phí dịch vụ thường niên ** Phí dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng trả cho Đại lý Chuyển nhượng hàng năm dựa trên số lượng Nhà Đầu tư.*	**Số lượng Nhà Đầu Tư**	**Mức phí (dựa trên Giá trị Tài sản ròng của Quỹ)**
	- 5.000 người	0,04% hàng năm
	- Từ 5.000 người đến 30.000 người	0,045% hàng năm
	- Trên 3.000 người	0,05% hàng năm
Phí tạo lập Nhà Đầu tư ** Phí tạo lập tài khoản cho Nhà Đầu tư trả cho Đại lý Chuyển nhượng dựa trên số lượng Nhà Đầu tư.*	**Số lượng Nhà Đầu tư**	**Mức phí**
	- 5.000 người	Miễn phí
	- Từ 5.000 người đến 50.000 người	15.000 đồng/ nhà đầu tư
	- Trên 50.000 người	10.000 đồng/ nhà đầu tư

Phí tạo lập Đại lý Phân phối ** Phí tạo lập tài khoản cho Đại lý Phân phối trả cho Đại lý Chuyển nhượng dựa trên số lượng Đại lý Phân phối*	**Số lượng Đại lý Phân phối**	**Mức phí**
	- 25 Đại lý Phân phối	Miễn phí
	- Trên 25 Đại lý Phân phối	1.000.000 đồng/ đại lý
Phí giao dịch mua/bán ** Phí thực hiện xét duyệt các giao dịch mua/bán trả cho Đại lý Chuyển nhượng dựa trên giá trị giao dịch.*	**Giá trị giao dịch**	**Mức phí (dựa trên giá trị giao dịch)**
	- Dưới VND 1 tỷ	0,03%
	- Từ VND 1 tỷ đến VND 5 tỷ	0,02%
	- Từ VND 5 tỷ đến VND 20 tỷ	0,01%
	- Trên VND 20 tỷ	0,005%
Phí phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu tư ** Phí thực hiện xét duyệt các giao dịch phân phối lợi nhuận trả cho Đại lý Chuyển nhượng.*	**Loại phí**	**Mức phí**
	- Phí dịch vụ tối thiểu	10.000.000 đồng/ kỳ phân phối lợi nhuận
	- Phí khi phân phối lợi nhuận bằng tiền mặt	0,03% lợi nhuận phân phối
	- Phí khi lợi nhuận phân phối được tái đầu tư	200.000 đồng/ nhà đầu tư
Phí dịch vụ tính phí thanh toán cho Đại lý Phân phối ** Phí thực hiện tính phí thanh toán cho Đại lý Phân phối trả cho Đại lý Chuyển nhượng.* ** Phí được miễn trong năm đầu tiên, giảm 50% trong năm thứ hai và được xét lại trong những năm tiếp theo.*	**Loại phí**	**Mức phí**
	- Phí dịch vụ khi tính phí hoa hồng	500.000 đồng/ đại lý
	- Phí dịch vụ khi tính phí thưởng	1.500.000 đồng/ đại lý
Các chi phí dịch vụ khác	**Loại phí**	**Mức phí**
	- Phí gửi thư cho Nhà Đầu tư	100.000 đồng/ nhà đầu tư
	- Phí cấp thiết bị HSBC net	330.000 đồng/ thiết bị

a) Công thức tính phí

Phí phải trả = Phí x Giá trị Tài sản ròng của Quỹ tại kỳ định giá x số ngày thực tế phát sinh/365 hoặc 366

b) Thời điểm thanh toán

Hàng tháng trước ngày thứ 10 của tháng kế tiếp

c) Phương thức thanh toán:

Ngân hàng Giám sát sẽ tự động trích tiền từ tài khoản của Quỹ để thanh toán các phí nêu trên.

eastspring investments

Thành viên của Tập đoàn Prudential (Anh Quốc)

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ EASTSPRING INVESTMENTS

Tầng 23 - Tòa nhà Trung tâm Thương mại Sài Gòn

Số 37, Đường Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3910 2848 Số Fax: (84-8) 3910 5613

Website: www.eastspringinvestments.com.vn